

THÂM MỸ MÙA XUÂN

TT.Thích Thông Huệ

---o0o---

Nguồn

<http://thuvienhoasen.org>

Chuyển sang ebook 27-07-2009

Người thực hiện :

Nam Thiên - namthien@gmail.com

[Link Audio Tại Website http://www.phatphaponline.org](http://www.phatphaponline.org)

Mục Lục

- 01 - Lời ngỏ
- 02 - NIÊM VUI NGÀY XUÂN
- 03 - XUÂN THANH BÌNH
- 04 - CON NGƯỜI HẠNH PHÚC
- 05 - THÂM MỸ MÙA XUÂN
- 06- XUÂN BÓN MÙA
- 07 - MÙA XUÂN VỚI CÀNH MAI
- 08 - XUÂN BẮT DIỆT
- 09 - XUÂN TỰ TẠI
- 10 - CẢM NGHĨ VỀ MỘT BÀI THƠ XUÂN

---o0o---

01 - Lời ngỏ

Một buổi sáng ra vườn, chợt thấy mấy chồi non vừa nhú, rụt rè, mảnh mai, run rẩy trước làn gió nhẹ. Những giọt sương trong vắt còn đọng trên lá cây, phản chiếu tia nắng mai lóng lánh ngũ sắc. Có một cái gì đang chuyển động thật khẽ, thật êm trong trời đất, trong vạn vật, như một sự hồi sinh sau những tháng đông miên.

Những tờ lịch trên tường theo thời gian lần lượt rơi xuống. Quyển lịch mỏng dần nhắc nhở một năm sắp đi qua, mùa xuân đang đến!

Xuân sanh hạ trưởng thu liễm đông tàn. Mùa xuân đất trời theo luật tuần hoàn, đến rồi lại đi. Con người cũng chịu ảnh hưởng của luật vô thường sinh già bệnh chết. Tất cả đều chuyển dịch, đều đổi thay, đều sinh diệt, như sương buổi sớm, như nắng chiều thu...

Nhưng thật lạ, một đêm cuối xuân, ngoài vườn hoa rụng hết sao vẫn còn một cành mai nở rộ, cho Thiền sư Mãn Giác ngắm nhìn? Chúa Xuân đã ra đi hay vẫn còn ở lại, để Sơ Tổ Trúc Lâm khám phá mặt thật xưa nay? Một khoảnh khắc mà muôn đời không dứt, một sát-na mà tồn tại vĩnh hằng. Hóa ra vẫn có một cái gì, thường trụ trong vạn pháp vô thường, vẫn có một mùa xuân bất diệt trong dòng đời biến chuyển tử sinh. Nhận ra tín hiệu Chúa Xuân, cuộc đời tu hành đã có một bước ngoặt vĩ đại. Từ đó, các Ngài tùy duyên tiêu nghiệp cũ, hồn nhiên mặc áo xiêm. Ta-bà ở đây mà Tịnh-độ cũng chốn này, phiền não và Bồ-đề không hai không khác.

Quyển sách quý vị đang cầm trên tay chỉ là một nốt nhạc trong bản đại hợp xướng của vũ trụ, đón mừng mùa xuân trở về. Mong sao mỗi người chúng ta, dù xuân bên ngoài có đến đi mà tự thân vẫn luôn an ổn, vì trong ta đã có một đóa hoa Xuân không bao giờ tàn nở, luôn nguyên vẹn tinh khôi, luôn tươi nhuận sắc hương cung hiến cho muôn loài. Rõ ràng là, đóa hoa trong tay Đức Bốn Sư vẫn còn tươi thắm, pháp âm vi diệu nơi Hội Linh Sơn vẫn còn vang vọng từ ngàn xưa cho đến ngàn sau.

Tất cả chỉ là BÂY GIỜ VÀ Ở ĐÂY!

Thiền thất Viên Giác
Xuân Ất Dậu - 2005
THÍCH THÔNG HUỆ

---o0o---

02 - NIỀM VUI NGÀY XUÂN

Nói đến xuân, hầu như ai cũng nghĩ đến sự tốt đẹp, an vui, mới mẻ. Bởi vì, mùa xuân là mùa của tiết trời ấm áp, của vạn vật hồi sinh sau những tháng đông tàn tạ lạnh lẽo. Mùa xuân cũng khiến lòng ta dịu lại, trải rộng ra, hòa nhập với đất trời và đồng cảm với mọi người.

Thịt mỡ, dưa hành, câu đối đỏ,
Cây nêu, tràng pháo, bánh chưng xanh.

Ngày xưa, ông cha ta đón xuân bằng những món ăn tinh thần và vật chất đơn giản như thế. Bây giờ, bánh chưng dưa hành được bày bán quanh năm, câu đối đỏ và cây nêu tràng pháo không còn phổ biến, nên không khí Tết đã khác xưa rất nhiều. Dù vậy, tâm trạng nôn nao mong chờ trong những ngày giáp Tết và niềm vui rộn rã háo hức trong lúc đón xuân, xưa và nay vẫn không

thay đổi mấy. Hoàn cảnh gia đình không ai giống ai, nhưng người nào cũng muốn nhà mình sạch sẽ hơn, thơm mát hơn ngày thường. Người lớn trang phục chỉnh tề, trẻ nhỏ ít nhiều cũng có tấm áo mới và tiền lì-xì mừng tuổi. Cách nói năng đối xử với nhau cũng có phần cẩn trọng, lịch sự, biểu hiện sự hoan hỉ, thông cảm giữa người và người.

Ở nước ta, những thú vui, trò giải trí được tổ chức thật đa dạng trong những ngày đầu năm: từ những thú tao nhã như chơi hoa, vẽ tranh, thư pháp... đến những trò giải trí có tính cách dân gian hoặc các lễ hội truyền thống mùa xuân. Tất cả đều được hưởng ứng nồng nhiệt, được tham dự đông đảo. Điều này nói lên tính cách của dân tộc Việt, dù hoàn cảnh khó khăn đến mấy, cũng không mất sự lạc quan yêu đời. Thật khó tìm thấy ở nơi nào khác mà người dân lại hưởng Tết quá lâu, quá kỹ và quá nhiều màu sắc như Việt Nam ta. Cũng chính vì vậy, phần đông những người xa xứ đều mang trong lòng nỗi nhớ quê hương, đều tìm cơ hội về thăm nơi chôn nhau cắt rốn để hưởng một mùa xuân sum họp. Trước bàn thờ tổ tiên, họ sẽ thành tâm dâng lên ông bà cha mẹ những thành quả trong học tập, trong công danh mà mình đã đạt được. Đồng thời, họ cũng cúi đầu nhận ra rằng, mình chưa báo đáp được đầy đủ công ơn trời biển của các Người; tự hứa với lòng sẽ tìm cách giúp đỡ gia đình, người thân và những ai không may mắn, để bù đắp lại những tháng ngày hờ hững đã qua.

Đối với người Phật tử, mùa xuân là lúc thích hợp để hành hương, chiêm bái các tự viện. Một số người còn nặng về phước lộc đến chùa cầu Phật Trời ban cho sức khỏe, hạnh phúc và mọi điều may mắn trong cuộc sống. Họ nghĩ đến Phật như một đấng thần linh, một chốn nấu nướng trừu tượng nhưng cũng là nguồn an ủi, là sự động viên tinh thần quý giá.

Những ngày đầu năm cũng là dịp để chúng ta đến thăm bà con, bạn bè, cùng tặng nhau những lời chúc tốt đẹp, cùng uống với nhau ly rượu, một tách trà. Nếu có điều kiện, chúng ta tổ chức tham quan những di tích lịch sử, những thắng cảnh của quê hương để thấy rằng đất nước ta thật đẹp đẽ, dân tộc ta thật kiên cường bất khuất. Tình yêu quê hương sẽ có dịp được tăng trưởng, tình cảm giữa người và người có dịp được thắt chặt. Ta sẽ thấy lòng mình chan hòa cùng đất trời và con người, ta sẽ biết cách sống đầy tình nghĩa với đồng bào đồng loại. Ta cũng biết tôn trọng và bảo vệ môi trường sống chung qua ta, bởi vì vạn vật đối với ta đều vô cùng thân thiết.

Tuy nhiên, những loại hình giải trí đa dạng cũng chỉ “mua vui một vài trông canh”, niềm hạnh phúc sum họp rồi cũng nhường cho nỗi sầu ly biệt. Mấy

ngày Tết rộn ràng bao nhiêu, khi trở lại với những lo toan đời thường, chúng ta càng thấy quạnh quẽ trống vắng. Nhất là đối với những người luống tuổi neo đơn, khi con cháu lần lượt ra đi hết, thì niềm sum họp gần gũi ngày nào càng làm nặng nề hơn nỗi buồn hiu quạnh hôm nay. Cho đến niềm hạnh phúc của người Phật tử cảm nhận được khi đến chùa, cũng chỉ hiện hữu khi họ còn chiêm ngưỡng dung mạo và nụ cười tự tại của Đức Phật, còn đắm mình trong khung cảnh bình an của ngôi Già-lam. Trở về nhà, họ lại bị quay cuồng trong vòng xoáy của cuộc tồn sinh, lại bị đắm nhiễm trong trần cảnh và bị trói buộc trong xiềng xích danh lợi. Vì thế, trong niềm vui nào cũng ẩn hiện bóng dáng của khổ đau, vì vui ấy do vay mượn từ bên ngoài và vì nó không bền lâu, không chắc thật. Cũng như mùa xuân đất trời, chỉ hiện diện trong ba tháng rồi theo luật tuần hoàn, nhường chỗ cho mùa hè nóng bức. Nhà Phật gọi đó là cái vui sinh diệt, vui trong vô thường.

Vậy thì, có niềm vui nào tồn tại vĩnh viễn không? Nếu có, bằng cách nào chúng ta tìm được niềm vui ấy? Đây là vấn nạn của con người, và chính Đức Phật đã đưa ra lời giải đáp tường tận, cách đây hơn 25 thế kỷ.

Chúng ta thường đổ thừa hoàn cảnh và những tác nhân bên ngoài gây đau khổ cho mình. Rất ít người chịu nhìn lại bản thân, xem phiền não do đâu mà có. Kinh Lăng Nghiêm kể đoạn ngài A-Nan hỏi Đức Phật: “Bạch Đức Thế Tôn, thế nào là cội gốc phiền não sinh tử, thế nào là cội gốc Bồ-đề Niết-bàn?”. Câu trả lời đến từ mười phương chư Phật: “Cội gốc phiền não sinh tử là sáu căn của ông, cội gốc Bồ-đề Niết-bàn cũng là sáu căn của ông chứ không đâu khác!”. Mắt thấy sắc liền phân biệt đẹp xấu, đẹp thì muốn chiếm làm của riêng, xấu thì sanh tâm ghét bỏ, khi lòng tham không thỏa mãn lại phát khởi sân hận...Tai nghe tiếng, mũi ngửi mùi, lưỡi nếm vị, thân xúc chạm, ý duyên theo pháp trần... mỗi mỗi đều dính mắc nên tạo nghiệp. Nghiệp thiện dẫn ta đến các cõi lành, nghiệp ác dẫn vào đường dữ, rốt cuộc cứ quẩn quanh trong ba cõi sáu đường! Như thế, nếu các căn tiếp xúc với trần cảnh mà dính mắc, thì ngay hiện đời đã chịu phiền não, khi mất thân lại mang nỗi khổ lớn nhất, ấy là cái khổ luân hồi sinh tử. Ngược lại, nếu vẫn tiếp duyên xúc cảnh mà không khởi tâm phân biệt, thì nghiệp do đâu phát sinh? Vòng luân hồi đương nhiên bị chặt đứt.

Hình tượng Đức Bồ tát Di-Lặc mập tròn, bụng to, khuôn mặt đầy đặn phúc hậu, nụ cười thật thoải mái với những đứa trẻ vây quanh, biểu hiện một niềm hạnh phúc vô bờ. Vì sao Ngài có được sự hỷ lạc tuyệt vời đến thế? Những đứa trẻ tượng trưng sáu trần luôn bám theo Ngài quây phá, như trần cảnh lúc nào cũng hiện hữu xung quanh chúng ta. Nhưng khác với chúng ta, Ngài tuy

vẫn tiếp duyên mà không chấp trước, không nhiễm ô. Vì Đại xả nên lục tặc biến thành lục thông, nên Ngài luôn luôn có một niềm vui trọn vẹn, miên viễn (Đại hỉ). Niềm vui này là tiền đề của hạnh phúc tuyệt đối - hạnh phúc giải thoát khỏi sinh tử luân hồi.

Như vậy, hạnh phúc thật sự của con người không phải từ bên ngoài đến, mà từ sự buông xả ở ngay nội tâm mình. Trong đời sống thường nhật, chúng ta xả bỏ những tranh chấp hơn thua, những điều thị phi không như ý, xem đó chỉ là những cơn mưa bóng mây thoáng qua rồi mất; ngay lúc ấy, ta thấy mình được an ổn đôi phần. Tiến lên một bước, ta quán chiếu trần cảnh chỉ là duyên hợp giả có, tâm không khởi phân biệt khi các căn tiếp xúc các trần. Biết rằng mọi ý niệm đều hư dối, từng bước ta buông xả hết mọi tình chấp đối với ta - người và các pháp. Buông xả thì mới hay Niết bàn tại hiện tiền chứ không ở đâu xa lạ, và mùa Xuân bất diệt cũng ở ngay tại đây và bây giờ!

Nhận ra mùa Xuân bất diệt ấy, Sơ Tổ Trúc Lâm Điều Ngự Giác Hoàng đã làm bài kệ:

Niên thiếu hà tăng liễu sắc không,
Nhất xuân tâm sự bách hoa trung.
Như kim khám phá Đông hoàng điện,
Thiền bản bồ đoàn khán trụ hồng.

Hòa thượng Trúc Lâm dịch:

Thuở bé chưa từng rõ sắc không,
Xuân về hoa nở rộn trong lòng.
Chúa Xuân nay bị ta khám phá,
Chiếu trải giường thiền ngắm cảnh hồng.

Tuổi trẻ chưa thấu rõ lý sắc không, cứ mãi mê đuổi theo ngoại cảnh, nên khi thấy hoa nở báo xuân về, lòng bỗng nhiên rộn ràng cảm xúc. Ngày nay, Ngài đã khám phá bộ mặt thật của Chúa Xuân, tức nhận ra bản lai diện mục của chính mình và quán triệt thực tướng của các pháp. Các pháp do duyên tụ hợp, hết duyên lại trở về không, tánh của các pháp vốn là Không, nhờ duyên hợp nên giả có. Bằng cái thấy siêu việt nhị nguyên, Thiền sư luôn sống trong mùa xuân vĩnh cửu; Ta-bà cũng là Tịnh-độ, phiền não và Bồ-đề không hai không khác. Người vô sự ngồi trên giường thiền, ngắm từng cánh hồng rơi rụng mà lòng vẫn an nhiên. Bởi vì, hoa nở hoa tàn vẫn là xuân, mỗi phút giây đều là xuân.

Trong hội Linh Sơn, khi Đức Phật đưa cành sen xanh lên, nhìn khắp lượt đại chúng, Ngài bắt gặp ánh mắt Ca-Diếp. Thời điểm bốn mắt nhìn nhau là một khoảnh khắc thiên thu. Tâm thầy và tâm trò tương ứng, không lời diễn tả nên chỉ biết mỉm cười! Nụ cười Ca-Diếp là hình ảnh tuyệt đẹp thể hiện sự khế hợp Thầy-trò trong một thực tại vô ngôn, khi Chúa Xuân bị khám phá. Ý nghĩa sâu xa của sự tích Niêm hoa vi tiếu không phải là ở chỗ niêm hoa (đưa cành hoa lên) hay vi tiếu (mỉm cười), mà chính là sự giao cảm bất tư nghì giữa tâm Thầy và tâm trò, tại thời điểm tứ mục tương cố (bốn mắt gặp nhau). Do vậy, Đức Phật mới trao truyền Chánh pháp nhãn tạng, Niết bàn diệu tâm cho Ca-Diếp. Và cũng từ đó, Phật pháp lưu truyền như nước từ nguồn tỏa khắp các nhánh sông, mang đến sức sống cho muôn loài muôn vật. Cho đến ngày nay, sức sống ấy vẫn luôn tuôn trào, để những người hữu duyên có thể nhìn thấy nhánh mai vàng rực rỡ trong một đêm cuối xuân!

Nhân mùa xuân đất trời lại đến, chúng ta hãy cùng chân thành chúc nhau sớm khám phá Chúa Xuân miên viễn của chính mình, sớm có niềm vui thương thức vẻ đẹp của cành mai không bao giờ tàn tạ. Niềm vui ấy mới là tuyệt đối, là vĩnh cửu, mới là mục đích cao tột trong đời tu của tất cả chúng ta.

---o0o---

03 - XUÂN THANH BÌNH

Một năm lại trôi qua với bao đổi thay của đất trời và con người. Cây cỏ theo thời tiết bốn mùa mà sinh sôi nảy nở rồi héo úa tàn rụi. Con người cũng trải qua bốn tướng sinh già bệnh chết, nhưng ai cũng hy vọng một ngày mai tươi sáng hơn hôm nay. Cho nên, vào những ngày cuối năm, dù ngược xuôi nơi đâu, dù hoàn cảnh thế nào, ai nấy đều chuẩn bị về vật chất lẫn tinh thần để đón mừng xuân đến.

Khởi đầu một năm mới là khởi điểm cho những ước mơ tin tưởng, là mở đầu cho những chương trình hành động, cũng là tiền đề cho những hy vọng thành công trên đường đời và đường đạo. Vượt lên tất cả, đó là ước mơ bình an phúc lạc, từ hoàn cảnh bên ngoài đến thân tâm bên trong mỗi người. Đất nước ta thanh bình là hạnh phúc lớn lao cho mọi người dân, nhất là trong thời đại chiến tranh khùng bố đang đe dọa toàn cầu. Còn trong nội tâm chúng ta, lại là một trường xung đột do những tình cảm tư tưởng chột đến chột đi, lằng xằng biến đổi không bao giờ dừng, khiến ta tạo nghiệp và quần quanh trong vòng sinh tử. Người tu chúng ta, may mắn được hưởng mùa

xuân thanh bình của đất nước, cũng đồng thời mong mỗi xuân thanh bình tự nội.

Nhìn lại những năm tháng đã qua trong cuộc đời, ta thấy mình đã nếm trải biết bao cảnh vui buồn thuận nghịch. Gặp cảnh thuận cảnh vui, ta phấn khởi tự hào; nhưng khi gặp chuyện không may xảy đến, ta lại đau khổ thất tâm, nhiều lúc còn oán trời trách người. Người biết tu không mong cầu luôn gặp may mắn thành công trong mọi việc, vì dễ làm ta cống cao ngã mạn; cũng không sợ khó khăn trở ngại, vì ý chí vững chắc giúp ta càng mạnh bước tiến tu. Những hành giả trong công phu thiền tập, nhiều lúc thấy tâm an định và cảm nhận một niềm vui nhẹ nhàng thanh thoát, nhưng cũng có khi thấy vọng tưởng lầy lừng, phiền não bủa vây tứ phía. Đó là chướng duyên trên đường tu, nhưng đó cũng là những bài học sáng giá, nếu ta biết nhân đây kiểm nghiệm lại công phu tu tập và những kiến giải của mình về Phật pháp; nếu ta biết vọng tưởng phiền não là những kiết sử từ lâu ngủ ngầm trong tâm thức nhưng hư dối không thật, để càng tinh tấn hành trì. Như vậy, bất cứ hoàn cảnh nào ta cũng có thể biến thành cơ hội thăng tiến nội tâm. Biết biến chướng duyên thành thắng duyên, biết tận dụng thuận cảnh để đường tu thêm hanh thông, ta có thể nhận ra ý nghĩa chân thật của hạnh phúc.

Bồ tát Di Lặc có nụ cười hạnh phúc dù bị lục tặc bủa vây, vì Ngài là Bậc Đại hỷ Đại xả. Hỷ không phải là vui đùa cười cợt như lẽ thường của thế gian, mà là sự chân thành mừng vui và ngợi khen những thành công và hạnh phúc của người khác. Xả không phải là lãnh đạm quay lưng trước những cảnh đời bất hạnh, mà hết lòng giúp người nhưng không dính mắc, là trạng thái thanh tịnh của tâm trước các pháp và trước cuộc sống thuận nghịch thăng trầm. Biết buông xả mới có thể thật lòng thương yêu người, mới thông cảm và tha thứ những thiếu sót của người, mới có thể vì lợi ích cho chúng sanh mà làm việc.

Những lời chúc tốt đẹp dành cho nhau trong những ngày Tết, tuy có vẻ sáo rỗng, nhưng cũng có ý nghĩa mong cho mọi người luôn gặp điều may mắn an lành. Phật tử chúng ta tin sâu lý nhân quả, biết rằng nhân quả tác dụng ở cả ba thời quá khứ - hiện tại - vị lai, nên cần giúp nhau tạo nhân lành trong ý nghĩ, lời nói và việc làm. Nếu gặp hoàn cảnh thuận lợi, ta biết mình đã gieo nhân thiện lành đời trước, và càng tinh tấn tu hành để ngày sau hưởng hạnh phúc an vui. Nếu gặp nhiều chuyện như bất như ý trong đời, ta hiểu đó là hậu quả của nhân xấu ta đã gieo từ quá khứ. Chí thành sám hối những tội lỗi đã phạm, đồng thời nỗ lực công phu, từng bước chúng ta sẽ chuyển được nghiệp xấu ác thành hiền thiện. Vì nghiệp tạo từ thân miệng ý, trong đó ý

dẫn đầu, nên chuyển nghiệp cũng chủ yếu nhờ chuyển hóa tự tâm. Tin sâu nhân quả, tịnh tu ba nghiệp là điều kiện cần thiết cho ta hưởng mùa xuân thanh bình nội tâm, do chính ta tạo dựng.

Đức Không Tử khi nhìn dòng sông đã thốt nên lời cảm thán: “Chảy mãi, chảy mãi ư? Ngày đêm không dừng!”. Chúng ta cũng có khi nhìn mọi sự vật quanh ta và cả thân tâm ta đều như những dòng sông đang trôi chảy. Thời gian trôi nhanh không bao giờ dừng nghỉ, mới ngày nào đang độ tuổi thanh niên căng tràn sức sống mà nay đã lưng mỗi gói dùn. Vô thường nào có tha ai bao giờ?

Nhưng ý thức cuộc đời là vô thường không phải để ta đắm mình trong bi quan, phó mặc dòng đời đưa đẩy, mà phải nhận chân sự huyền mộng của các pháp để không bị vướng mắc bởi ngũ dục lục trần. Những gì thế gian cho là lạc thú, có phải thường là đau khổ theo sau? Hoa nở rồi tàn, người trẻ đẹp rồi một thời gian cũng trở nên già xấu. Có bữa tiệc nào mà không tan, có trò vui nào không đến hồi kết thúc? Hạnh phúc thế gian là đáp ứng được những nhu cầu của giác quan; nhưng nhu cầu của con người thì ngày càng cao do lòng tham vô hạn, như người khát uống nước biển, có bao giờ hết khát? Một số thanh niên thường nghĩ mình còn nhiều thời gian, cứ vui chơi thỏa thích, đến khi lớn tuổi sẽ tu chí làm ăn cũng không muộn. Một số người quan niệm, sự tu hành là dành cho tuổi già, vì người trẻ còn đang nhiều mộng đẹp để áp ủ, nhiều hoài bão để thực hiện, nhiều trách nhiệm phải chu toàn và nhiều ham muốn phải thỏa mãn. Nhưng cái chết đâu phải chỉ đến với người già? Cho nên Cổ Đức đã nói:

“Chớ đợi đến già mới học Đạo,
Mồ hoang lắm kẻ tuổi xuân xanh”.

Thấy rõ cuộc đời là vô thường, ta còn phải hiểu ý nghĩa tích cực của nó, vì vô thường cũng là điều kiện tối cần để duy trì và phát triển mọi sự vật. Trái tim đập, dòng máu luân lưu, hơi thở ra vào... là vô thường, nhưng nếu không như thế thì con người không thể tồn tại được. Nếu tâm không vô thường, làm sao ta có thể chuyển hóa tự tâm từ độc ác sang hiền lương? Nếu nghiệp không vô thường, làm sao ta tu hành chuyển đổi nghiệp xấu thành nghiệp thiện? Do vậy, người ngộ lý vô thường là người thấu triệt tính huyền hóa của muôn pháp và không bị vô thường làm điên đảo, khổ đau. Các Ngài không chán bỏ chỗ vô thường, đi tìm cái thường hằng ở nơi nào đó xa xôi; mà ngay nơi vô thường nhận ra chân thường, từ nơi động chuyển mà sống với tâm thể

vĩnh hằng bất động. Đó là ý nghĩa đích thực của sự tu hành, là xuân thanh bình miên viễn của nội tâm, cũng là bản hoài của chư Phật - Bồ-tát.

Đức Phật dạy: “Quá khứ không truy tìm, tương lai không ước vọng, an trú trong hiện tại”. An trú trong hiện tại là nội dung của chánh niệm. Chúng ta thường thích hồi tưởng những chuyện vui buồn đã xảy ra, hoặc tô vẽ mơ mộng cho một ngày mai tươi sáng, mà không bao giờ biết bằng lòng với hoàn cảnh hiện tại. Vì không thỏa mãn với những gì mình đang có, nên ta cứ mãi khổ đau và cứ mãi truy đuổi một bóng dáng hạnh phúc không thực. Người biết đạo không mong cầu sự bình an từ bên ngoài hay một cảnh giới hạnh phúc ở tương lai, vì hạnh phúc không phải là kết quả của sự truy tìm đuổi bắt, mà là sự dừng lại, sống trọn vẹn nơi đương xứ - tại đây và bây giờ.

Nội dung thứ hai của chánh niệm là tỉnh giác biết rõ từng chuyển biến của thân tâm bên trong và cảnh vật bên ngoài. Thân tâm cảnh đều là duyên hợp, sinh sinh diệt diệt trong từng sát-na, còn cái biết luôn luôn hiện hữu, không bao giờ sinh diệt. Chúng ta đang sống trong thời đại mà khoa học đã có những thành tựu vượt bậc, nên xung quanh ta là một trường hỗn loạn của màu sắc và âm thanh. Nếu không có công phu tu tập, ta dễ bị choáng ngợp quay cuồng trong sự hỗn loạn ấy, không thể nào tìm thấy bình an. Cứ ngay trong guồng máy vận động của vạn pháp, ta vẫn an nhiên thiền tập; ngay trong hoàn cảnh khó khăn, ta vẫn gắng công tu tiến. Đối với khổ đau, ta biết đó là chất liệu cần thiết kích thích ta nỗ lực công phu, vì có khổ đau ta mới tìm cách thoát khổ. Đối với bệnh tật, ta biết cuộc đời là vô thường, thân người không có gì bền chắc, mạng sống chỉ trong hơi thở, nên không để thời gian luống uổng trôi qua. Trước cái chết, ta biết đó là bắt đầu một cuộc sống khác, là chấm dứt một đời sống và biểu hiện nghiệp mới ở kiếp sau. Sinh già bệnh chết là lý thường nhiên, có tử mới có sinh, như có mùa đông lạnh lùng mới có xuân về ấm áp. Tạo nhân an lạc, ta đã chuẩn bị sẵn sàng để đối phó với mọi hoàn cảnh, kể cả cái chết cũng không là điều đáng sợ. Như thế, thiền tập có kết quả bước nào, ta có hạnh phúc ngay bước ấy, vì an lạc có ở hiện tại và nơi tự thân tâm ta. Tinh thần hiện tại lạc trú thật rất đơn giản nhưng vô cùng vi diệu và thiết thân với tất cả mọi người.

Chúng ta sinh ra, tất cả đều phải tuân theo những quy luật muôn đời của vũ trụ vạn hữu. Những gì có hình tướng, kể cả thân mạng và những sở thuộc của ta, đều không thoát khỏi định luật vô thường. Chỉ có đạo lý là vĩnh hằng với thời gian và thênh thang với không gian. Chỉ có đạo lý mới là nơi nương tựa chắc thật của mọi người con Phật. Dù trải qua những cảnh đời thuận nghịch, những thăng trầm của cuộc sống, người có công phu tu tập sẽ không

bị chao đảo cuốn lôi. Tâm bình an thì bất cứ nơi đâu, bất cứ thời điểm nào ta cũng thấy an nhàn tự tại. Tâm thanh tịnh thì tất cả các pháp đều là cảnh giới Phật, bốn mùa nhân gian đều chỉ là mùa xuân muôn thuở, như lời Thiền Lão Thiền sư:

Trúc biếc hoa vàng đâu cảnh khác
Trăng trong mây bạc hiện toàn chân.

Ý thức thân tâm cảnh đều là duyên hợp hư giả, những lạc thú thế gian đều là ảo ảnh không thật, chúng ta không truy tìm hạnh phúc từ những khoái cảm của giác quan, cũng không mong cầu bình an từ những thần linh ban phước giáng họa. Nikoskasanzaki đã viết: “Mảnh đất mới chỉ có trong lòng người”, xuân thanh bình chỉ được tìm thấy ngay bản tâm của chính ta mà thôi.

---o0o---

04 - CON NGƯỜI HẠNH PHÚC

Những ngày đầu năm, Phật tử đến chùa lễ lạy cúng dường Tam Bảo, gặp gỡ nhau và cầu chúc nhau an lạc, hạnh phúc. Nhưng thế nào là hạnh phúc đích thực, và tìm hạnh phúc ấy ở đâu? Đây là một bí quyết, một nghệ thuật sống, là kết quả của công phu tu hành mà mỗi người Phật tử chúng ta cần hiểu rõ.

Trong nhà Phật, hình tượng biểu trưng cho hạnh phúc chân thật muôn đời, là hình tượng của Bồ-tát Di Lặc. Ngày vía Bồ-tát là ngày mừng một tết, ngày đầu của một năm. Trong ngày này, mọi người tạm quên những lo âu phiền muộn, hướng đến một năm mới với hy vọng thành công hơn, sung sướng hơn năm cũ đã qua. Nhưng đó chỉ là niềm vui và hy vọng mong manh trong mấy ngày Tết, sau đó trở lại tất bật với cuộc sống đời thường. Riêng Ngài, toàn thân và đặc biệt là vẻ mặt luôn biểu lộ một niềm hỷ lạc vô biên, với nụ cười luôn tươi tắn, rạng rỡ; khiến ai đến chiêm bái cũng cảm nhận rằng, Ngài quả thật là một người hạnh phúc.

Bồ-tát Di Lặc, Trung Hoa dịch là Từ Thị, còn có tên là Bồ-tát A-Dật-Đa (Vô Năng Thắng). Theo truyền thuyết, Ngài tên Từ Thị vì lúc thân mẫu mang thai Ngài, bà phát khởi tâm từ, nguyện ăn chay trường để tránh sát sanh. Có thuyết cho rằng, do Ngài tu Tứ vô lượng tâm (Từ-Bi-Hỷ-Xả), nên có tên Từ Thị; và vì Ngài tu hạnh này viên mãn không ai sánh bằng, nên được tôn xưng là Vô Năng Thắng. Thời Đức Phật Thích Ca còn tại thế, Ngài thị hiện

làm con trong một gia đình Bà-la-môn truyền thống ở miền Nam Ấn, sau khi gặp Đức Phật và xin xuất gia. Đây là một nhân vật lịch sử.

Một hóa thân khác của Bồ-tát Di Lặc là Bồ Đại Hòa thượng. Hòa thượng xuất hiện tỉnh Minh Châu ở Trung Hoa, thế kỷ thứ X, vào đời Ngũ Đại, vì Ngài thường lang thang khắp chốn, hành tung bất định. Ngài thường vác một bao bố to trên vai, gặp ai cũng ngửa tay xin. Những gì xin được, Ngài đều cho vào bao, sau đó tập họp đám trẻ, phân phát lại cho chúng. Tương truyền, có khi Ngài thi triển thần thông: Những món từ tay Ngài lấy từ trong bao ra thì toàn bánh kẹo tiền bạc, nhưng kẻ khác lôi ra thì lại là rắn rít cóc nhái. Một lần, Hòa thượng Thảo Đường gặp Ngài, biết Ngài là bậc Thánh Tăng nên hỏi: “Thế nào là đại ý Phật pháp?”. Đang vác bao trên vai, Ngài liệng bao xuống, đứng yên. Hòa thượng Hỏi tiếp: “Chỉ có thế, hay còn con đường nào tiến lên nữa?”. Ngài vác bao lên, đi thẳng. Đây chính là thủ thuật Trực chỉ nhân tâm, cơ phong trong nhà Thiền.

Khi sắp tịch, Ngài ngồi an nhiên nói bài kệ:

Di Lặc chơn Di Lặc
Hóa thân thiên bách ức
Thời thời thị thời nhơn
Thời nhơn giai bất thức.

Tạm dịch:

Di Lặc thật Di Lặc
Hóa thân trăm ngàn ức
Thị hiện giáo hóa người
Người đời không ai biết.

Nhờ bài kệ này mà người sau biết Ngài là hóa thân của Bồ-tát Di Lặc. Từ đó, người ta dùng hình ảnh Bồ Đại Hòa Thượng để vẽ hoặc tạc tượng Bồ-tát. Ngày nay, chúng ta thấy các chùa thường thờ Bồ-tát theo bốn kiểu dáng, mỗi kiểu đều có ý nghĩa riêng: Thứ nhất, dáng Ngài đứng dang chân, hai tay giơ lên trời, miệng cười to, vẻ mặt rạng rỡ. Kiểu này biểu hiện nội dung sung mãn hạnh phúc, mình và toàn thể pháp giới hòa nhập thành một thể nhất như. Kiểu dáng thứ hai, Ngài đứng vác một bao to trên vai, là hình ảnh Hòa thượng Bồ Đại, tu Bồ-tát nghịch hạnh. Kiểu thứ ba, Ngài đứng với chiếc bao to dưới chân, gợi nhớ câu trả lời vô ngôn khi Hòa thượng Thảo Đường hỏi về đại ý Phật pháp. Thứ tư, là kiểu mẫu thường thấy nhất, Ngài ngồi thoải mái, vô cùng hoan hỉ với năm sáu đứa bé vây quanh, đứa chọc tay vào mắt,

vào miệng, đưa chọc vào tai, vào bụng... Đây là một bài học lớn cho công phu tu hành. Nhưng dù thể hiện Ngài theo kiểu dáng nào, ta vẫn nhận ra Ngài nhờ những nét nổi bật và độc đáo: Người mập đến nỗi không thấy cổ, mặt tròn đầy, miệng cười rộng đến mép tai; đặc biệt là cách ăn mặc thật thoải mái: chiếc quần rộng thùng thình, áo ngắn không cài khuy để lộ bộ ngực vạm vỡ và cái bụng to tròn.

Theo lẽ thường, người xuất gia tu hành thanh tịnh, trước nhất phải biểu hiện oai nghi tế hạnh từ dáng vẻ bên ngoài, để người khác xem đó là mẫu mực. Ở đây, hình tượng Bồ-tát Di Lặc lại hoàn toàn trái ngược, khiến nhiều người lần đầu đến chùa, có thể cảm thấy lạ lùng. Chúng ta phải hiểu những ý nghĩa sâu xa, siêu tục ẩn chứa trong hình thức thường tục ấy như thế nào?

Nhà Thiền có câu: “Trung vô tận tạng, hữu hoa hữu nguyệt hữu lâu đài”. Trong kho vô tận có chứa đầy đủ, nào hoa nào trăng, nào đèn đài cung điện. Bụng của Bồ-tát Di Lặc là kho Như Lai tạng vô tận, trong đó muôn pháp được hình thành. Bụng to cũng có nghĩa là dung chứa, độ lượng với tất cả mọi người, mọi hoàn cảnh; còn tượng trưng hạnh tri túc, sống yên phận nghèo mà vui với đạo. Bỏ bao bố xuống đất tượng trưng sự buông xả hoàn toàn cả căn, trần và thức, không còn chấp trước, không còn gì mắc buộc ràng. “Buông tất cả thì được tất cả”. Khi không còn chấp vào thân - tâm - cảnh, không còn chạy theo các pháp duyên sinh hư giả thì Phật pháp hiện tiền, toàn thể vũ trụ đều với mình hòa điệu. Đây chính là đại ý Phật pháp, là yếu chỉ Thiền tông, là bí quyết của hạnh phúc chân thật muôn đời. Từ tự tánh lặng lẽ mà hằng tri, phát khởi diệu dụng nhiều ích chúng sinh, biểu hiện bằng cử chỉ vác bao lên vai, đi tiếp. Đói ăn một ngủ, Bồ-tát tự do tự tại trong sinh hoạt thường nhật, hoàn toàn thông dong với mọi thăng trầm thịnh suy của cuộc sống. Đó là con đường tiến lên, trả lời câu hỏi thứ hai của Hòa thượng Thảo Đường.

Sự buông xả đến tột cùng mọi vọng chấp dính mắc còn được biểu trưng bằng một hình ảnh sống động và đầy ấn tượng: nét cười Di Lặc bên cạnh sáu đứa bé chọc phá vây quanh, nhắc nhở một Hòa thượng Bồ Đai ngày xưa vui đùa cùng đám trẻ. Sáu đứa bé cũng là sáu trần (sắc, thanh, hương, vị, xúc, pháp). Khi sáu căn của ta tiếp xúc với sáu trần, thường khởi ý niệm phân biệt đẹp, xấu, hay, dở; đẹp thì thích, muốn chiếm làm của riêng (tham), xấu thì ghét giận (sân). Từ đó tạo nghiệp, mãi luân hồi trong Tam giới; đây chính là nỗi khổ lớn nhất, dai dẳng nhất của chúng sinh. Bồ-tát thì không như thế, Ngài thấu triệt bản chất duyên sinh vô ngã của tất cả các pháp, biết chúng do thức biến hiện, do tâm sanh khởi, nên tự tánh của chúng là không. Tự tánh

không nhưng duyên hợp nên tạm có. Do siêu vượt ngã chấp và pháp chấp nên Ngài hoàn toàn vô tâm khi đối duyên xúc cảnh, ở trong trần mà an nhiên tự tại trước bao biến động của trần. Vì thế, nụ cười của Ngài vô cùng hồn nhiên, vô cùng tươi tắn, biểu hiện một đời sống nội tâm sung mãn. Có thể nói, nụ cười Di Lặc là mùa Xuân miên viễn, là tâm Xuân bất diệt, là chất Xuân mãi mãi tuôn trào.

Như vậy, tu hành không có nghĩa là “Bé lục căn, ngăn lục thức, dứt lục trần”; không phải xa lánh chốn phàm tục, trốn tránh hơi thở của thế gian. Chỉ cần quán triệt lý vô ngã, nhận rõ các pháp không thật có, hành giả không cần diệt Căn - Trần - Thức mà vẫn an nhiên đối với trần cảnh. Hạnh phúc thật ra rất bình thường, không phải ở một thế giới nào xa xôi hay ở một tương lai nào mù mịt. Khi tâm ta an trú trong hiện tại, nhận ra được sự hiện hữu nhiệm mầu thường tại ngay trong dòng lưu chuyển sinh diệt của các pháp, ta sẽ thấy rõ rằng: hạnh phúc đích thực chỉ có ở tại đây và bây giờ! Điều này có nghĩa, nếu buông xả tốt cùng mọi vọng chấp, mọi ý niệm phân biệt hai bên, để tâm ta hoàn toàn rộng rang thanh tịnh, thì chơn thường sẽ hiển hiện từ cái vô thường, sự vĩnh cửu nằm ngay trong sinh diệt. Đây là tinh thần của câu kệ nổi tiếng “Đối cảnh vô tâm mạc vấn thiền” (Đối cảnh không tâm chớ hỏi Thiền), trong bài phú Cư trần lạc đạo của Sơ Tổ Trúc Lâm.

Một điều khác, có khi nào chúng ta thắc mắc: Bồ-tát Di Lặc thật là ai? Là Từ Thị, A-Dật-Đa, Bồ Đại, là vị Bồ-tát đang ở cung Phạm Vương cõi trời Đâu Suất?

Thiên giang hữu thủy thiên giang nguyệt
Vạn lý vô vân vạn lý thiên.

Tạm dịch:

Ngàn sông có nước ngàn trăng hiện
Muôn dặm không mây muôn dặm trời.

Trăng trên trời chỉ có một, nhưng nơi nào có nước là có bóng trăng. Một hiện ra nhiều, nhiều quy thú về một. Nhứt tức nhứt thiết, nhứt thiết tức nhứt. Pháp thân thanh tịnh không hai, nhưng tùy duyên mà các bậc giác ngộ thể hiện nhiều ứng hóa thân, khiến muôn loài chúng sinh được nhiều lợi lạc. Hòa thượng Bồ Đại hay vị Tỳ-kheo thời Phật tại thế là ứng hóa thân của Bồ-tát Di Lặc, còn báo thân của Ngài hiện đang ở cung trời Đâu Suất. Ngài là vị Bồ-tát Nhất sanh bổ xứ, nghĩa là chỉ thị hiện nơi cõi Ta-bà một lần nữa rồi

thành Phật, như Đức Bồ Sư của chúng ta. Vì thế, chúng ta gọi Ngài là vị Phật đương lai (Đương lai hạ sanh Di Lạc Tôn Phật).

Những kinh nói về sự đản sanh của Ngài là kinh Di Lạc thượng sanh, kinh Di Lạc hạ sanh, kinh Di Lạc bốn nguyện, đều do chính kim khẩu Đức Phật Thích Ca thuyết giảng. Theo tinh thần của kinh, lúc thời mạt pháp của Phật Thích Ca chấm dứt và trải qua hết Tiểu tam tai cùng Đại tam tai, Bồ-tát Di Lạc sẽ đản sanh nơi cõi Ta-bà, thành đạo dưới cội cây Long Hoa, khởi đầu thời kỳ chánh pháp mới. Tiểu tam tai gồm ba nạn, xảy ra đồng thời hoặc lần lượt theo sau, khiến loài người chịu nhiều thống khổ, bệnh đau, chết chóc: Ôn dịch tai là bệnh tật thời khí độc hại hoành hành, đặc biệt hiện nay đang có chiều hướng gia tăng về số người bệnh và mức độ trầm trọng của các bệnh nan y như: Ung thư, HIV/AIDS, viêm gan siêu vi, Sốt rét... làm tử vong hàng triệu người mỗi năm. Cơ căn tai là thiên tai, là môi trường ô nhiễm, là đất đai cạn kiệt màu mỡ. Tâm người không ôn hòa, tàn phá thiên nhiên, đảo lộn cân bằng sinh thái, kết hợp với sự bùng nổ dân số nên gây nạn đói trầm trọng ở các nước thuộc thế giới thứ ba. Nước nghèo thì đói kém, nước giàu lại muốn thống lĩnh toàn cầu, từ đó xem thường đạo đức và quyền lợi con người. Đây là ngòi nổ của Đạo binh tai. Những hình ảnh chúng ta thường thấy mỗi ngày, nếu theo dõi chương trình thời sự thế giới, là những biểu hiện trung thực và đau thương nhất của loài người, dù mới trải qua Tiểu tam tai ấy mà thôi.

Đến giai đoạn của Đại tam tai, sự tàn phá hủy diệt còn ghê gớm hơn nhiều. Thứ nhất là Phong tai, cuồng phong bão tố dữ dội cùng khắp. Hiện nay ở nơi này, nơi kia thỉnh thoảng ta đã nghe tin về những cơn lốc mạnh tàn phá cả một vùng rộng lớn. Hai kiếp tai kia là Thủy tai và Hỏa tai, hậu quả của nền công nghệ phát triển, làm trái đất nóng dần lên (hỏa tai). Băng tan ở hai cực trái đất thấp (thủy tai). Loài người bị tiêu diệt hàng loạt do những tai nạn khủng khiếp như thế, chỉ còn lại một số ít. Khi đã đến tận cùng của thời kỳ kiếp giảm, lại bắt đầu thời kỳ kiếp tăng, tuổi thọ con người tăng dần. Trong kinh, Đức Phật xác định rằng, khi tuổi thọ con người đạt đến sáu vạn bốn ngàn tuổi, Đức Di Lạc mới ra đời.

Như vậy, khi chánh pháp của Đức Phật trước không còn lưu truyền trong nhân gian, loài người chịu nhiều thảm họa khủng khiếp đến tột cùng, không ai còn nghe nhắc đến tiếng Phật, lúc ấy mới có một vị Phật sau ra đời. Không có cơ sở nào để lại tin rằng Đức Di Lạc sắp đản sanh. Phật tử chúng ta cần thận trọng để không bị mê hoặc bởi những tà thuyết mê tín. Chúng ta đang ở thời kỳ kiếp giảm, tuổi thọ không dài nhưng nhờ vậy mà có nhiều cơ

hội thấy rõ lý vô thường giả hợp. Bạn bè, người thân quanh ta sớm còn tối đã mất, bản thân ta cũng nay đau mai mạnh, từ đó ta dễ thức tỉnh, tinh tấn tu hành. Tuy trong đời mạt pháp, nhưng ta vẫn còn được nghe giáo lý cao siêu uyên áo, phải biết là duyên may ngàn năm một thuở. Do đó, ta phải trân quý thời gian còn lại của đời mình để thức liễm thân tâm, tịnh tu ba nghiệp. Theo gương Bồ-tát Di Lặc, chúng ta buông xả mọi vọng chấp vướng nhiễm vào trần cảnh, có cái nhìn bao dung và tấm lòng rộng mở cho tất cả mọi người. Ta hãy tìm Ngài ở ngay con người xác thịt của mình, bằng cách tinh tấn tu hạnh Từ Bi Hỷ Xả như Ngài.

Nhân ngày đầu Xuân, chúng ta thành tâm đánh lễ Đức Bồ-tát Di Lặc, cũng nên thành tâm chúc nhau sống trong hạnh phúc chân thật dù đang mang thân phận làm người. Bởi vì, khi tâm ta không còn chấp ngã chấp pháp, không còn dính mắc buộc ràng, thì ở đâu không là Niết-bàn, bao giờ không là mùa xuân bất tận?

---o0o---

05 - THẨM MỸ MÙA XUÂN

Một năm trôi qua, chúng ta đã nếm trải bao vị chua cay ngọt mặn của cuộc sống, có thêm một số kinh nghiệm trên đường đời và đường đạo. Nhờ vậy, chúng ta có sự thâm trầm tĩnh thức trước những hoàn cảnh thuận nghịch, trước những thử thách gian truân. Đây là điều kiện cần thiết giúp chúng ta hoàn thiện nhân cách, thăng hoa đời sống tâm linh, dần dần vững bước trên lối về với Chân Thiện Mỹ.

Theo lý nghĩa sâu xa của Đạo, Chân là bản thể chân thật tuyệt đối, là thể tánh bất sanh sản đủ ở mọi loài; Thiện là tâm thanh tịnh siêu vượt thiện ác, vắng bật ý niệm phân tích nhị biên; Mỹ là nét đẹp siêu nhiên, là sự toàn bích của thể giới lý tưởng, là sự hoàn hảo vượt thường mà trí tuệ con người không thể suy lường nổi. Nghe qua, chúng ta nghĩ đó là những cảnh giới siêu thực, ở một nơi nào, một thời điểm nào đó xa xôi mà chúng ta không bao giờ có thể dự phần. Nhưng nếu thế thì Đức Bổn Sư đã chẳng bảo rằng, bản hoài của chư Phật là khai thị cho chúng sanh ngộ nhập Phật tri kiến. Phật tri kiến là cái thấy biết của Phật, có thể nhận rõ và thưởng thức vẻ đẹp toàn diện toàn hảo và bất sanh bất diệt của muôn pháp. Con người chúng ta cũng có khả năng tiềm tàng ấy - Đức Phật đã nhiều lần khẳng định. Nhưng chúng ta phải làm thế nào phát huy khả năng ấy? Và mỗi lúc xuân về, chúng

ta dùng phương cách gì để đồng thời thưởng thức thẩm mỹ mùa Xuân nhân gian tự nhiên và Xuân Đạo siêu nhiên?

Các pháp trong thế gian quả thật muôn màu muôn vẻ, mỗi mùa lại biểu hiện những sắc thái khác nhau. Đặc biệt vào mùa xuân, cây cối đâm chồi nảy lộc, ngàn hoa đua nở khoe sắc khoe hương, cả đất trời như bừng tỉnh dậy sau giấc ngủ mùa đông dày đặc. Ta cảm thấy lòng rộn rã theo sự chuyển mình của vạn vật, ta nôn nao theo nhịp sống tung bừng của mọi người chung quanh. Đường như từ cõi vô hình, ông bà tổ tiên ta cũng tụ hội về, sum vầy cùng con cháu. Rồi những ngày vui cũng qua mau, chúng ta trở lại với những lo toan tất bật đời thường; những hoa những lá mới tươi đẹp là thế, nay đã héo úa tàn phai; không gian mới trong lành ấm áp là thế, nay đã vội nóng bức ngột ngạt. Nét đẹp của xuân nhân gian mang theo tính chất đa thù phức tạp, lại còn tạm bợ mong manh, phụ thuộc không gian thời gian và cả tâm trạng của mỗi người. Một thi sĩ đã viết:

Lả lướt đợi ngày xuân trở lại,
Ngày xuân trở lại, hỏi bao ngày!
Năm canh lạnh lẽo kinh sương gió,
Ngùi ngậm tàn xuân hoa rụng đầy...

Ngay trong nét tươi xanh của cây lá và rực rỡ của hoa xuân, đã ẩn náu sự tàn phai của hoa mùa hạ, sự rơi rụng của lá mùa thu và sự khô chết của cây mùa đông. Cho nên:

Xuân đang tới nghĩa là xuân đang qua
Trăng còn non nghĩa là trăng sắp già.

Người đời thường nhìn xuân qua thời gian ước lệ, qua cảnh vật đổi thay; từ đó chạy theo cái đẹp bên ngoài, phát sinh tình cảm chiếm hữu, tạo nghiệp và trầm luân. Có thể nói, cái đẹp mùa xuân nhân gian là cái đẹp của ràng buộc, của vô thường, của sinh tử.

Nếu xuân đời thuộc thẩm mỹ đa thù tương đối, có sinh có diệt, thì xuân Đạo lại thuộc phạm trù thẩm mỹ thuần nhất, tuyệt đối, bất sinh. Khi trở về trạng thái tịch lặng mà hằng tri của bản tâm, các bậc ngộ đạo thấy toàn thể các pháp đều ở trong ánh giác. Mùa xuân về, Thiền sư Tuyết Đậu thấy cây cối trùng điệp, nước hồ lấp lánh xanh biếc, trời xuân bát ngát thênh thang. Tâm Ngài hòa theo vạn vật, thấy mình tuy còn trong sanh tử mà vẫn đứng riêng nơi cõi siêu sanh:

Núi xuân chồng chất xanh
Nước xuân lỏng lách biếc
Thênh thang bầu trời cao
Đứng riêng trong mù tốt.

Hạnh phúc này không phải tranh đua giành giật với ai, không ai có thể cướp mất của mình, cũng không bị biến hoại theo thời gian không gian. Ấy là hạnh phúc đích thực của những người đã nhận ra cái vĩnh hằng trong dòng biến thiên vô tận của muôn pháp.

Một khách tăng hỏi Thiền sư Chân Không: “Khi sắc thân bại hoại thì thế nào?”. Ngài đáp:

Xuân đến xuân đi ngõ xuân hết,
Hoa tàn hoa nở chỉ là xuân.

Bậc ngộ đạo hằng sống với Phật tâm không sanh không diệt, nên dù sắc thân còn mất như xuân đời có đến có đi, các Ngài vẫn luôn ở trong mùa xuân miên viễn; ví như con sóng lúc nổi lúc chìm, nhưng dù chìm nổi cũng không bao giờ rời thể tánh biển cả mênh mông. Vũ trụ dù có đổi dời, thời gian dù không ngừng trôi chảy, vẫn ẩn tàng nét thẩm mỹ siêu nhiên, nét đẹp uyên nguyên hằng hữu của pháp giới tánh. Đây là ý nghĩa của Diệu Pháp Liên Hoa, một hoa sen huyền diệu nở trong lò lửa vô thường.

Thâm thoát thu qua mây độ rồi
Đời người bóng chớp áng mây trôi.
Muôn vật hiện bày trò ảo hóa
Sen nở trong lò sắc thường tươi.

Thu qua đông tới, xuân lại về, hoa vàng mây độ. Đời người như bóng chớp như áng mây, chợt còn chợt mất; muôn cảnh như mộng ảo không thật có, không thường còn. Nếu tâm dính mắc với trần cảnh ngoại duyên, ta thấy cuộc đời mình luôn bị chi phối bởi những tác nhân bên ngoài, không lúc nào an ổn. Nhưng nếu đối cảnh mà tâm vắng bật mọi ý niệm phân biệt, mọi suy tính lăng xăng, ta sẽ có cơ hội tiếp cận với cái chân thật muôn đời. Chủ trương nhập thế tích cực của đạo Phật không phải rời bỏ thế gian, xa lánh cuộc đời; các Ngài vẫn chu toàn mọi bổn phận với đời nhưng không bị đời ràng buộc. Hình tượng của Bồ-tát Di Lặc là một biểu hiện sinh động của tinh thần hòa quang đồng trần. Nụ cười của Ngài thật rạng rỡ, thật bình an giữa đám trẻ vây quanh; vì buông xả đến tận cùng các Căn-Trần-Thức nên ở trong pháp sinh diệt mà vượt thoát sinh diệt, nên lục tặc biến thành lục

thông, nên ngay xuân nhân gian mà tâm xuân của Ngài mãi lồng lộng trong đất trời!

Như vậy, Xuân Đạo và Xuân đời chỉ là hai mặt của cùng một thực tại. Xuân đời thuộc thế giới hữu hạn, tương đối, đa thù; Xuân Đạo có tính vô hạn, tuyệt đối, thuần nhất; nhưng cả hai không thể tách rời mà hòa quyện nhau như sóng và nước. Khi chúng ta phân tâm trên cảnh mùa xuân và bị cảnh ràng buộc, ấy là thường thức xuân đời có đến có đi có sanh diệt. Cũng trên cảnh ấy mà tâm thanh tịnh không khởi niệm phân biệt nhị biên, dù vẫn thấy nghe hay biết rõ ràng, chúng ta đang vui cùng xuân đạo. Các bậc ngộ đạo vẫn cảm xúc cùng xuân, nhưng sự cảm xúc này ở chiều sâu thẳm của vô thức chứ không hời hợt trên mặt ý thức. Các Ngài vẫn thưởng ngoạn thẩm mỹ mùa xuân, nhưng do quán triệt sự lý viên dung nên vẫn duy trì sự tỉnh thức, để đời và đạo, đa thù và thuần nhất trở thành bất khả phân ly. Các Ngài hòa mình với thế gian vô thường, với vũ trụ biến đổi mà tâm không phân biệt năng sở chủ khách, nhưng dù ở trong những tầm thường của cuộc sống mà vẫn có niềm an lạc diệu thường. Lúc sống không cần biết hưởng thụ thế nào, khi chết không đặt vấn đề mình sẽ đi đâu; sống không thích Thiên đường, chết không sợ Địa ngục, nên các Ngài tự tại trước sanh tử, và dù thời gian trôi chảy không dừng, các Ngài vẫn mãi sống trong mùa xuân bất diệt.

Một Thiên sư có nói bài kệ như sau:

Năm trước gặp thanh xuân,
Má hồng khoe đào lý.
Năm nay gặp thanh xuân,
Tóc bạc đầy mái đầu.
Người đời tuổi bảy mươi,
Nhanh như dòng nước chảy.
Chẳng ngộ tâm xưa nay,
Sinh tử làm sao khỏi?

Năm xưa còn trẻ, ngắm nhìn những cô gái má đào mơn mớn, lòng không khỏi rộn ràng tình ý. Năm nay, trên đường vẫn gặp bóng áo hồng áo xanh, nhưng nhìn lại mình đã thấy tóc bạc đầy đầu! Thời gian trôi nhanh như dòng nước chảy, thoáng chốc mình đã ở tuổi “cổ lai hy”, cái chết đang là mối hăm dọa lớn. Nếu cứ mãi đắm mình trong ngũ dục, không sống với bản tâm chân thật xưa nay, làm sao thoát khỏi luân hồi? Hãy ngay trong thế giới vô thường mà sống được với cái chân thường, ngay dòng sanh tử mà tự tại với thể tánh bất sanh. Bản tâm thể tánh ấy là cành mai của Thiên sư Mãn Giác,

là hoa cúc của Tam Tổ Huyền Quang; ấy là mùa xuân miên viễn lung linh chiếu diệu trong thời gian vô cùng và không gian vô biên.

Chúng ta thường thức vẻ đẹp của mùa xuân nhân gian, nên ngay đó mà nhận ra thâm mỹ của mùa xuân siêu thế. Xuân ấy chỉ ở trong mỗi người. Khi tâm thanh tịnh, không dính mắc trần cảnh sanh niệm vọng động, thì nơi muôn hoa tàn nở, ta nhận ra hoa xuân chưa từng tàn nở bao giờ. Cầu chúc tất cả chúng ta, trong mùa xuân của đất trời đang đến, sống được với xuân trong lòng mình và chan hòa ý xuân ấy cho mọi người, để hạnh phúc vĩnh cửu luôn tỏa sáng muôn nơi, bây giờ và mãi mãi!

---o0o---

06- XUÂN BỐN MÙA

Khi cơn lạnh của mùa đông đã dịu lại, nhường chỗ cho hương vị ấm áp của mùa xuân, khiến cỏ cây xanh tươi, muôn hoa đua nở khoe sắc khoe hương. Những chuỗi ngày mệt nhọc của công việc thế sự như được tạm gác lại, dành cho ánh sáng rực rỡ của mùa xuân dội khắp nhân gian, chan hòa tình yêu thương nhân ái, uơm mầm một tình cảm trong xanh thơm dịu, hòa điệu với đất trời bao la. Thắm nắng pha lê của mùa xuân được trải dài vô tận, đó đây muôn vạn tâm lòng sẵn sàng đón nhận những gì tươi đẹp, tinh hoa nhất của mùa xuân. Khắp nơi trên khắp nẻo đường quê, cánh đồng ruộng như cũng cố gắng vươn lên những chồi non tinh khiết. Chim sáo, chim sâu trong tiết đông hàn hay vùi đầu vào tổ ấm, giờ đây cũng đã hí hửng tung tăng chuyền điệu trên cành, lãnh lót hiến tặng cho đời những khúc nhạc mừng xuân. Đâu đó trên khắp phố phường, người người đều chuẩn bị vào cuộc, sẵn sàng rũ sạch những nỗi ưu phiền mệt nhọc để bày tỏ nhiệt thành mà đón mừng xuân mới. Nhưng ngay tại đây và bây giờ, bạn biết chăng xuân vẫn còn hiển hiện, không hề thay đổi theo định luật của bốn mùa luân chuyển?

Thông thường khi nói đến mùa xuân, hình như ai ai cũng chỉ nghĩ xuân ở nhân gian, nhưng trong Thiền môn, các vị Thiền sư hay nói lên cái thâm trầm của xuân đạo, lồng lộng với đất trời bao la, hòa quyện với sum la vạn tượng mà vẫn không chướng không ngại. Ở nhân gian mỗi lần xuân đến cỏ cây khoe sắc đơm bông, và mỗi lần xuân đi trả lại cho nhân gian những tia nắng oi bức của bầu trời tiết hạ. Và cứ thế cho đến thu rồi lại sang đông, bốn mùa biến chuyển theo một quy luật của vòng quay trái đất, sự sự vật vật cũng cùng chung một cộng luật. Xưa nay sự đổi thay chuyển dời của muôn

sự muôn vật trên thế gian ai mà chẳng từng chứng kiến, nhưng cái thực vô hình vô ảnh trong tất cả các hiện tượng thì vượt thoát tất cả các ý niệm thời - không. Cái vô hình vô ảnh thì người ta dễ quên, còn cái hữu hình hữu ảnh thì người ta dễ nhớ dễ chấp. Bốn mùa thay đổi, muôn vật chuyển dời cũng chỉ là cái hoạt dụng của cái không thể gọi tên. Thiền sư Chân Không đời Lý đã siêu tột được thực thể của mùa xuân khi có một thiền khách hỏi: “Bạch Hòa thượng, khi sắc thân bại hoại thì thế nào?” Ngài liền đáp:

“Xuân đến xuân đi ngõ xuân hết
Hoa nở hoa tàn chỉ là xuân”.

(Xuân khứ xuân lai nghi xuân tận
Hoa lạc hoa khai chỉ thị xuân).

Xuân đến xuân đi, hoa nở hoa tàn là hiện tượng sinh diệt của mùa xuân nhân gian. Thế thường, khi không còn thấy những tia nắng ấm áp và những chiếc hoa tươi rộ nở thì cho là xuân đã hết. Như các cành hoa mai đón mừng vào dịp xuân đến, chúng đua nhau rộ nở sắc màu, những ngày xuân qua đi chúng héo úa tàn tạ. Đó là cái lầm do nhìn xuân qua bốn mùa của thời gian. Khi nào ý niệm thời gian còn ngự trị trong tâm hồn thì bạn không thể nào lãnh hội được cái tâm xuân chưa từng sanh diệt. Bạn có thể tin chăng trong lò lửa mà sen vẫn nở khoe tươi sắc thắm? Trong ngọn lửa vô thường thiêu đốt thế gian, bạn có thể nào tin được thềm lặng có cái gì chưa từng băng hoại? Người có đời sống tỉnh thức thì không bị đắm chìm trong ảo ảnh sinh diệt của trăm hoa.

Bồ-tát Di Lạc đã thể hiện nội dung tâm xuân này bằng một nụ cười tươi tắn trên môi. Nụ cười của Ngài mang một ý nghĩa siêu việt ngã chấp, tràn đầy một sức sống hồn nhiên từ đời sống nội tâm sung mãn. Mặc cho lục tặc có quấy rầy đến đâu, cũng không lay động được bản thể thanh tịnh trong Ngài. Bởi lẽ, Ngài đã thực chứng rằng tất cả các pháp là vô ngã, mọi hiện tượng của chúng chỉ là trò hư ảo. Thế nên, mặc cho dòng đời ngược xuôi, trong Ngài vẫn luôn luôn an nhiên tự tại. Vì vậy, nụ cười trên môi của Ngài là tiêu biểu cho mùa xuân tự tại vẫn thường không thay đổi. Chúng ta chiêm ngưỡng Ngài để tự nhắc nhở mình và xua tan bóng đêm u ám trong tâm hồn, thì điều trước tiên phải tập làm chủ mọi giác quan, không bị các căn-trần-thức chi phối sai sử. Người Phật tử đã học cái hay cái đẹp nơi Ngài, thì hãy để lòng mình yên lặng trong từng giây phút trước mọi cám dỗ của cuộc sống, chiêm nghiệm và thể nhập vào cái thường hằng không thay đổi, rũ sạch tất cả niệm nhân ngã, bỉ thử, siêng năng giải trừ mọi thói quen xấu xa

đã từ lâu đời tiêm nhiễm vào từng ngõ ngách của tâm hồn. Và hãy xem tạo vật của mùa xuân cũng chính là tạo vật của vô sanh tịch tĩnh. Ấy chính thật là tinh thể của mùa xuân qua đôi mắt các vị Thiền sư.

Kể từ đạo này, mỗi lần xuân đến hay xuân đi, hãy giữ cho tâm hồn mình thật bình thản, không để sáu căn dính mắc sáu trần mà chịu trôi lăn theo vòng biến chuyển của thời gian. Bạn hãy từng bước vững chãi bắt đầu từ mùa xuân năm nay, mà đồng cảm đồng điệu với cái thường hằng không thay đổi qua bốn mùa xuân hạ thu đông. Xin hãy một lần thấp sáng niềm tin ấy để chiêm nghiệm thật thấu đáo cái đáng yêu, đáng quý nhất của mùa xuân!

---o0o---

07 - MÙA XUÂN VỚI CẢNH MAI

Thiền sư Mãn Giác, thuộc đời thứ 8, dòng thiền Vô Ngôn Thông. Niên hiệu Hội Phong thứ 5 (1096), cuối tháng 11 Sư có bệnh, gọi môn nhân đến nói kệ:

“Xuân khứ bách hoa lạc
Xuân đáo bách hoa khai
Sự trục nhãn tiền quá
Lão tòng đầu thượng lai.
Mạc vị xuân tàn hoa lạc tận
Đình tiền tạc dạ nhất chi mai”.

Nghĩa:

Xuân đi trăm hoa rụng
Xuân đến trăm hoa cười
Trước mắt việc đi mãi
Trên đầu già đến rồi.
Chớ bảo xuân tàn hoa rụng hết
Đêm qua sân trước một cành mai.

Nói kệ xong, Sư ngồi kiết già thị tịch, thọ 45 tuổi, được 19 tuổi hạ (Thiền sư Việt Nam, trang 124).

Đây là một bài kệ giàu chất thơ và nhất là giàu chất thiền. Dường như trong giới tu thiền, giới tu sĩ, những người hâm mộ Phật, cả những người yêu thơ

văn, giới trí thức Việt Nam ít có ai không thuộc lòng bài kệ thơ này. Đây là một bài thơ nổi tiếng và là một bài thơ duy nhất còn sót lại của Thiền sư Mãn Giác, được tìm thấy trong Thiền Uyển Tập Anh.

Mỗi độ xuân về, trăm hoa khoe sắc thắm; mỗi lần xuân đi trăm hoa úa tàn rơi rụng, gợi nhắc đến cái định luật vô thường khắc khe hữu sinh hữu diệt nơi vạn vật cỏ cây. Tất cả pháp giữa thế gian này đều không ra ngoài quy luật đó. Trước mắt, Sư đã từng chứng kiến biết bao lần sự đổi thay chuyển dời, mỗi sự mỗi vật cứ trôi đi mãi, không bao giờ dừng trụ. Sự vô thường nơi các hiện tượng như một dòng sông trôi chảy đến vô cùng. Khi thoát nhìn lại bản thân thì sự già nua đã đập trên đầu tự bao giờ. Có lẽ lúc ấy Sư đã “tóc pha màu tuyết?”.

Qua bốn câu kệ đầu, Sư nói đến lẽ vô thường nơi cảnh vật và bản thân bằng cái nhìn của một người có kinh nghiệm thực chứng. Vì vô thường mà các pháp đều đi đến hủy diệt, cũng vì vậy mà vô thường được ví như ngọn lửa lớn, âm ỉ thiêu đốt cả thế gian. Vô thường đem đến sự chết chóc, nỗi sợ hãi cho con người, nên được nhân cách hóa nó trở thành một con quỷ (quỷ Vô Thường), hoặc Thần chết. Kinh Pháp Hoa lại nói ba cõi như nhà lửa, không vui sướng gì. Như vậy, vô thường như là một điềm xấu, hay đem đến cho con người sự sợ hãi, làm nền tảng cho thái độ bi quan về cuộc sống. Tuy nhiên nếu nhìn với một góc độ khác, với mức quán chiếu sâu xa khác, thì vô thường lại có thể đem đến sự lạc quan vui sống hồn nhiên cho con người. Điều ấy hoàn toàn phụ thuộc vào mức độ nhận thức chủ quan của chúng ta về bản thân cuộc đời. Nếu công tâm mà nhận xét, nếu không nhờ vô thường thì các pháp không thể sinh trưởng; chính nhờ vô thường mà có ra sự sống trên trái đất. Sự chuyển dời trong lòng sự vật mà tất cả pháp trở thành hoạt dụng, nên vô thường là một phép lạ đem đến sự sống cho con người và muôn loài muôn vật. Nhờ vô thường mà ta biết phục thiện, phát tâm Bồ đề, viên thành chánh giác. Chắc chắn nếu không nhờ vô thường thì các pháp trở nên trơ lì và sự sống biến mất trên trái đất này. Tất cả pháp quá khứ vốn vô thường, tất cả pháp hiện tại đang vô thường, tất cả pháp vị lai sẽ vô thường, thế nên vô thường tức là thường (Vô thường thị thường). Mà vô thường đã tức là thường thì không nên lần tránh vô thường để tìm cái thường hằng bất biến. Tính thường hằng bất biến vốn là tự thể cho tất cả mọi hiện tượng sinh diệt, nên mọi hiện tượng sinh diệt không bao giờ xa lìa cái đương thể thường hằng đó. Phật giáo phát triển chủ xướng thuyết: “Nhất thiết thế gian pháp giai thị Phật pháp” không phải hoàn toàn không có chỗ y cứ. Vì nhận thức sâu xa về vô thường như là một thực tại nhiệm mầu mà Thiền sư Mãn Giác biểu hiện một cách rõ nét qua hai câu kết:

“Chớ bảo xuân tàn hoa rụng hết
Đêm qua sân trước một cành mai”.

Theo ý nghĩa trên, muôn vật vô thường thay hình đổi dạng cũng chỉ là bản thân của một cành mai (muôn vật là hóa thân của tự tánh). Nó âm thầm đi vào lòng người như một phép lạ, gợi nhắc chúng ta hướng đến một thực tại vĩnh hằng vô thủy vô chung. Thực tại ấy vốn vô ngôn, vượt thoát tất cả mọi ý niệm thời - không, là nơi mà muôn vật được sinh thành, tồn tại và hủy diệt. Vốn vô thường mà có khả năng biểu hiện thành tất cả tướng, vốn nhất như mà có thể biểu hiện thành thiên sai vạn biệt, vốn vô sanh mà có thể sanh thành... Nếu thật vậy, một con chim, cái kiến, cọng cỏ, núi sông, sum la vạn tượng, hữu tình, vô tình, sự sống và sự chết đều là hiện tướng của một cành mai. Nhân mùa xuân nhân gian có hoa nở hoa tàn, Sư Mãn Giác đã giới thiệu đến chúng ta một cành mai vẫn thường hằng khoe tươi sắc thắm trong bốn mùa thay đổi. Con người là trung tâm của vũ trụ, tuy hữu hạn trong dòng thời gian vô hạn, vẫn không ngại ngừng nuôi những ước vọng hướng đến sự sống vĩnh hằng. Con người tuy nhận thấy mình bé nhỏ, lạc loài giữa vũ trụ bao la, vẫn khát khao hòa nhập vào đại thể. Khi đau khổ bị đày đến cùng cực, người ta hay suy nghĩ tìm kiếm nhiều nhất về ý nghĩa của kiếp người. Đời sống hướng nội tự nhiên trở thành nhu cầu tâm linh, là điểm tựa cuối cùng giúp họ có dịp để tự đánh thức mình, vén mở lên những bí mật của kiếp sống. Ban đêm nhìn lên bầu trời thấy muôn ngàn vì sao lấp lánh, vừa đảo mắt đã nhìn thấy trăng sao xa tít, cái thấy và cái bị thấy tuy xa xăm diệu vợi trong khoảng không gian rộng lớn, nhưng vẫn đến với nhau bằng một gạch nối, đó là “cái biết”. Như vậy, há không phải chúng ta là pháp giới hay sao?

Người học thiền không nên lìa ngoài ảo ảnh đổi thay của muôn vật để riêng tìm chơn thường, nhưng chơn thường vốn không tướng mạo âm thanh. Tuy “không” mà muôn pháp hiện bày, tuy “không” mà tất cả pháp được hoạt dụng, “không” là tự thể của muôn pháp, là mẹ đẻ của muôn pháp, muôn pháp nhờ “không” mà được an lập, nhưng “không” lại không hình, không bóng, không tướng, không thể nắm bắt. Khi nào ánh trực giác phát sinh từ vùng sâu thẳm giữa lòng tâm thức, khi một nguồn suối của đời sống mới được tuôn trào, thì cùng lúc Chúa Xuân liền vén mở những ẩn mật của đời sống. Muốn trọn hưởng mùa Xuân bất diệt, mỗi người phải tự hòa mình vào vạn vật. Mùa Xuân ấy nằm trong sự đổi thay của muôn vật. Trong cái chuyển biến vô thường ảo mộng, có cái gì ẩn mật thâm kín trường tồn. Đó là hình ảnh một cành mai của Thiên sư Mãn Giác đời Lý.

Thiền là chủ động chứ không phải chủ tịnh, nên người học thiền cần nhìn vào chỗ sống chứ đừng nhìn vào chỗ chết. Chỗ sống đó là một cành mai vẫn mãi tươi thắm trong dòng đời biến đổi này. Đó là tinh thần ngay nơi Ta-bà mà an lập Tịnh-độ, ngay nơi ảo ảnh mà nhận ra chơn thường, ngay nơi thế gian sinh diệt mà nhận ra mùa Xuân bất diệt. Được như thế, thì sự sống bản lai liền trở thành nguồn suối tâm linh mới, vẫn mãi mãi tuôn trào trong sát-na hiện tiền bất động.

---o0o---

08 - XUÂN BẤT DIỆT

Một lần nữa, mùa xuân lại đến với đất trời và với con người. Trong khi cây cối đâm chồi nảy lộc, cỏ hoa tươi tốt khoe sắc khoe hương, có phải mỗi người chúng ta, bên cạnh sự rộn rã như được tiếp thêm một luồng sinh khí mới, còn mang một nỗi niềm riêng không ai giống ai? Ở lứa tuổi thanh thiếu niên, mùa xuân thường mang lại niềm vui và hy vọng về một đời sống tương lai tươi đẹp và bình an hơn hôm nay. Riêng tuổi trung và lão niên, mỗi năm chông chát thêm một tuổi, bước thêm một bước gần đến điểm cuối cùng, không biết mình sẽ đi về đâu trong cái hư vô mờ mịt. Đó là chưa kể những lo toan phức tạp trong cuộc sống thường nhật, những nuối tiếc quá khứ bao giờ cũng đẹp dù buồn hay vui. Đặc biệt đối với những người con xa xứ, luôn canh cánh bên lòng những nỗi nhớ về nơi chôn nhau cắt rốn; có phải đêm giao thừa nghĩ nhiều đến những bạn bè quyến thuộc, giờ này đang quây quần vui hưởng sự thân thương đầm ấm của mùa xuân quê hương mà cảm thấy nhớ nhung ray rứt?

Tuy nhiên, dù cảnh vật tươi nhuận hay tàn phai, dù con người hạnh phúc hay đau khổ, mùa xuân cũng vẫn đến rồi đi theo luật tuần hoàn của vũ trụ. Xuân sanh - hạ trưởng - thu liễm - đông tàn. Con người thì tuần tự sinh-già-bệnh-chết. Thế giới vĩ mô biến đổi thành - trụ - hoại - không. Thế giới vi mô cũng lưu chuyển sanh diệt từng giây từng phút. Vô thường là chân lý ngàn đời, có ai thoát khỏi?

Democritus nói: "Hạnh phúc của tuổi trẻ là sức mạnh và vẻ đẹp. Hạnh phúc của tuổi già là trí tuệ và sự hưng thịnh". Nhưng sức mạnh và vẻ đẹp sẽ dần dần suy giảm theo thời gian. Trí tuệ thế gian thu lượm từ trường học và trường đời chỉ có tính cách hạn cuộc tương đối. Sự hưng thịnh xem lại như một thoáng phù du, sớm còn tối mất. Đó không phải là hạnh phúc muôn đời; cũng như mùa xuân nhân gian khi đến khi đi, không phải là mùa xuân miên

viễn. Như vậy, chúng ta phải tìm hạnh phúc đích thực ở đâu, tìm mùa xuân bất diệt nơi nào?

Tuệ Trung Thượng Sĩ, một Thiền sư đời Trần có bài thơ như sau:

Thời tiết xoay vần xuân đến thu,
Cái già sông sộc đã trên đầu.
Giàu sang ngó lại thơ tràng mộng,
Năm tháng mang theo chất học sâu.
Nẻo khổ vành xe lăn lóc khắp,
Sông yêu bọt nước mắt còn đâu!
Trường đời nếu chẳng sờ lên mũi,
Ngàn thuở lương duyên chỉ bóng màu.

Thời tiết xoay vần bốn mùa thay đổi, thoáng chốc đã thấy tóc bạc đầy đầu. Nhìn lại công danh sự nghiệp cả đời ta tốn công gầy dựng, cũng chỉ như giấc mộng Nam Kha. Năm tháng trôi qua, mang đến cho đời ta nhiều buồn khổ hơn là vui sướng: khổ vì bệnh tật già nua, vì điều mong ước không đạt được, vì xa cách người thân... Tình yêu đôi lứa là tình cảm mãnh liệt nhất, nhưng có tình yêu nào hoàn toàn không có bất hòa hay thay đổi? Những người có đạo đức thì cùng cố gắng xây đắp hạnh phúc gia đình, cùng giúp nhau thăng tiến về nghề nghiệp và thăng hoa trong đời sống tâm linh; nhưng cũng chỉ sống với nhau được vài mươi năm rồi kẻ còn người mất. Chưa nói đến những người ích kỷ chỉ biết sống cho mình, thì gia đình ấy chỉ toàn nỗi thống khổ triền miên. Do vậy, Thiền sư thấy rõ sự yêu thương ái luyến chỉ như bọt nước đầu ghềnh và là động cơ của bánh xe luân hồi sanh tử.

Mới đọc qua, ta thấy Đạo Phật dường như bi quan yếm thế. Tất cả mọi thứ trên thế gian cho là quý giá như thân xác, công danh, tài sản... đều cho là vô thường, là hư giả. Nên có người vội cho rằng, Đạo Phật là liều thuốc an thần cho kẻ chán đời thất chí, hay người già cả bệnh tật không còn ích lợi cho ai. Chúng ta còn năng lực hoạt động, còn có thể cống hiến tài sức của mình cho gia đình và xã hội, không thể nhìn đời bằng đôi kính màu đen như thế.

Thật ra, cái nhìn về vũ trụ và nhân sinh của Đạo Phật là nhìn thẳng về thực tại, không trốn tránh sự thật. Người Phật tử chân chánh có nhiều cơ hội thấy sự vô thường giả tạm ấy rõ hơn ai hết. Có điều, chúng ta chấp nhận đó là quy luật tất yếu của đời sống. Còn Đức Phật thì thấu rõ nguồn gốc của khổ đau và những phương pháp thoát khổ. Sau 49 ngày thiền định, Ngài đã tìm

ra câu trả lời thỏa đáng. Và bài thuyết pháp đầu tiên sau khi thành đạo, Ngài đã giảng về bốn sự thật:

- 1- Cuộc đời là khổ, trong đó nỗi khổ lớn nhất là luân chuyển vô cùng tận theo vòng sanh tử.
 - 2- Nguyên nhân của nỗi đau khổ triền miên ấy.
 - 3- Hạnh phúc chân thật muôn đời mà con người có thể đạt đến.
 - 4- Những phương pháp thực tập để đạt được hạnh phúc chân thật.
- Danh từ chuyên môn gọi là Tứ Diệu Đế.

Ở đây, chúng ta không đi sâu vào giáo lý, vì có thể đọc được trong những quyển sách về Phật học căn bản. Hạnh phúc chân thật chỉ đạt được khi nào tâm ta không còn kiết sử phiền não tùy miên; và hạnh phúc ấy phải tìm nơi mãnh đất hiện tại.

Tự do trong nhà Phật là sự buông xả tốt cùng mọi dính mắc buộc ràng vào người và cảnh. Nhờ công phu thiền tập, ta nhận diện và chuyển hóa được phiền não khổ đau, từng bước làm tâm ta yên tĩnh. Mặt hồ dậy sóng không thể phản chiếu cảnh vật, nhưng khi lặng yên, mọi sự vật cảnh tượng đều hiện bóng rõ ràng. Cũng vậy, nếu lặng yên mọi suy nghĩ toan tính, mọi ý niệm phân biệt nhị nguyên, ta mới có cơ hội tiếp cận với cái chân thật muôn đời. Các vị Thiên sư ngộ đạo, không còn bị xáo trộn bởi bất cứ hoàn cảnh nào, dù tốt hay xấu. Các Ngài vẫn làm tròn trách nhiệm đối với mọi người, với xã hội, nhưng không vướng bận đến mọi thăng trầm vinh nhục của cuộc sống. Đây mới là tinh thần của tự do đích thực. Hạnh phúc ấy không phải tìm ở nơi nào đó xa xôi, mà ở ngay trong tâm mỗi người. Điều này giải thích tại sao Nikos Kazantzaki khẳng định: "Dĩ đất mới chỉ có trong lòng người"; Chúa cũng từng bảo: "Nước Chúa ở ngay trong chúng ta" (Le Royaume de Dieu est au dedans de nous); và câu "Phật tức tâm" hầu như là câu nói quen thuộc, chúng ta đã từng nghe không chỉ một lần!

Chớ bảo xuân tàn hoa rụng hết
Đêm qua sân trước một cành mai.

Muôn vật hữu hình ắt hữu hoại, hoa có nở có tàn, người có sinh có tử. Chính trong cảnh héo úa tàn phai vẫn có một cành mai mãi mãi tươi thắm theo thời gian. Đó là bất sanh bất diệt ngầm chứa trong mọi sinh diệt. Thiên sư đã nhận ra và hằng sống với nó, nên Ngài luôn ở trong mùa xuân bất diệt.

Bằng quan niệm sống tích cực nhập thế, ở trong đời mà vẫn vui với đạo, chúng ta hãy từ mùa xuân nhân gian mà nhận ra ý xuân bất diệt lồng lộng

trong đất trời; từ muôn hoa tàn nở, từ mọi sự vô thường mà nhận ra hoa xuân chưa bao giờ héo úa. Cầu chúc chúng ta sống được với mùa xuân trong lòng mình và chan rãi hương xuân ấy cho người xung quanh, để hạnh phúc vĩnh cửu luôn tưới tắm tâm hồn chúng ta, bây giờ và mãi mãi.

---o0o---

09 - XUÂN TỰ TẠI

Mỗi lần xuân về, muôn hoa đều khoe sắc và lòng người cũng tung bừng rộn rã. Mọi người trao cho nhau những lời chúc tốt đẹp nhất. Đây là biểu hiện lịch sự xã giao thế tục; hoặc trong tình đạo, là những điều mình mong mỗi bạn bè thân hữu mình đạt được. Tuy nhiên, xuân nhân gian chỉ có ba tháng trong một năm, rồi đi qua cho mùa hạ đến, theo luật tuần hoàn của trời đất, theo sự phân chia ước lệ của con người. Đạo Phật còn nói đến một mùa xuân khác, không lệ thuộc vào sự biến đổi vô thường của vũ trụ: đó là mùa Xuân miên viễn, Xuân bốn mùa, Xuân tự tại.

Nói đến mùa Xuân tự tại, chúng ta nhớ lại bài vía Đức Di Lặc thường được tụng vào đêm giao thừa, trong đó có những câu sau đây:

Di Lặc vốn là bậc Đại hùng,
An nhiên ngồi ngự Phạm Vương cung.
Xưa nay muôn việc ông sắp đặt,
Dâu biển phù vân cười như không.
Đánh lễ thừa cùng Phật Di Lặc,
Bụng chứa những gì con muốn biết.
Cười rằng: Tâm ấy vốn như như,
Thấy là như không, thoát sanh diệt!

Hình ảnh Đức Di Lặc nổi bật nhất là dáng người mập tròn với cái bụng rất to nhưng lại có vẻ thoát tục. Miệng cười rộng gần đến mép tai. Dù ai đang phiền não, nhìn tượng Ngài cũng thấy lòng nhẹ được đôi phần. Bởi vì, nụ cười rất tươi tắn, rất hoan hỉ của Ngài là nụ cười của người đã siêu vượt ngã chấp, có một đời sống nội tâm sung mãn; nụ cười biểu lộ một niềm an lạc xuất thế. Do đã làm chủ được căn-trần-thức, nên dù trực diện với tất cả các pháp mà Ngài vẫn an nhiên tự tại, vẫn cười trước bao phong ba bão táp, trước mọi dâu biển phù vân.

Nhà Thiền có câu: “Trung vô tận tạng, hữu hoa hữu nguyệt hữu lâu đài” (Trong kho vô tận có hoa, có trăng, có lâu đài). Bụng của Đức Di Lặc tượng trưng kho Như Lai tạng vô tận, trong kho ấy muôn pháp được hình thành và lưu xuất, cũng như trong lòng hư không gồm chứa tất cả các pháp sinh diệt. Tâm Ngài vốn như như, thấy mọi pháp đều bình đẳng trong tự tánh Không, vì thế vượt thoát được sinh tử.

Không chỉ Đức Di Lặc hưởng trọn vẹn mùa Xuân tự tại, mà các vị Tổ sư và những bậc Thánh Tăng đã thể hiện rõ phong thái an nhiên trước sự vô thường của kiếp sống. Sơ Tổ Trúc Lâm Điều Ngự Giác Hoàng từng viết:

Niên thiếu hà tăng liễu sắc không,
Nhất xuân tâm sự bách hoa trung.
Như kim khám phá Đông hoàng điện,
Thiền bản bồ đoàn khán trụ hồng.

Dịch:

Thuở bé chưa từng rõ sắc không,
Xuân về hoa nở rộn trong lòng.
Chúa Xuân nay bị ta khám phá,
Chiếu trải giường thiền ngắm cánh hồng.

Khi còn niên thiếu, chưa tỏ lý sắc - không nên khi Xuân về, Ngài choáng ngợp theo sự bùng nở của muôn hoa. Ngày nay, Ngài đã khám phá được chúa Xuân nên ung dung ngồi trên giường thiền ngắm từng cánh hoa hồng rụng. Đây là sự tịch tĩnh của người tu đã biết nội dung của mùa Xuân tự tại. Hoa nở rồi tàn nhưng tự tánh không tàn nở, như sóng có chìm nổi nhưng bản chất nước chưa từng thay đổi bao giờ. Cái chơn thường không thay đổi, không sinh diệt ấy là bản tâm thanh tịnh sẵn đủ ở mọi chúng sanh, mà ở đây Ngài gọi là “Chúa Xuân”. Chúa Xuân được tìm thấy ở đâu? Câu “Kiến sắc minh tâm” thường được sử dụng trong nhà Thiền có ý nghĩa như thế nào? đó là những điều rất quan trọng mà chúng ta cần suy gẫm.

Thiền sư Chân Không đời Lý, khi còn Trụ trì chùa Chúc Thánh trên núi Phổ Lại, có vị Tăng đến hỏi: “Khi sắc thân bại hoại thì thế nào?”. Ngài trả lời bằng hai câu kệ:

Xuân đến, xuân đi ngõ xuân hết
Hoa nở hoa tàn chỉ là xuân.

Khi thân còn trẻ khỏe là còn tuổi thanh xuân, nhưng nếu đã nhận ra mùa Xuân bắt diệt thì già yếu bệnh hoạn cũng vẫn là một chút xuân ấy. Gặp thuận hay nghịch cảnh đều khéo tùy duyên để tu để sống; nhiều lúc bệnh ngặt nghèo lại chính là cơ hội giúp ta tu hành đắc lực. Vì vậy, dù xuân nhân gian có đến có đi, hoa nở hay tàn theo thời tiết thay đổi, trong tâm người đã thấu triệt ý nghĩa tu hành thì lúc nào cũng chỉ là xuân. Đây là sự khác nhau giữa Xuân đời và Xuân đạo. Các Ngài cũng đón xuân như mọi người thế tục, nhưng luôn hướng tâm đến chỗ không bao giờ biến dịch theo ý niệm thời - không.

Một thi hào Thiên sư đời Trần, Ngài Tuệ Trung Thượng sĩ đón xuân bằng một bài kệ như sau:

Thời tiết xoay vần xuân đến thu,
Cái già sông sộc đến trên đầu.
Giàu sang ngó lại trơ tràng mộng,
Năm tháng mang theo chất học sầu.
Nẻo khổ vành xe lăn lóc khắp,
Sông yêu bọt nước mát còn đâu?
Trường đời nếu chẳng sờ lên mũi
Ngàn thuở lương duyên chỉ bóng màu!

Do thời tiết xoay vần nên có bốn mùa Xuân, Hạ, Thu, Đông. Theo dòng thời gian, con người càng ngày càng tiến dần đến chỗ chết. Nhìn lại kiếp sống, đau khổ nhiều hơn lạc thú, danh vọng quyền thế hay bẽ ái sông yêu đều chỉ như mộng ảo, như bọt nước đầu ghềnh. Trong trường đời, nếu không có một chút tỉnh thức, không biết đẩy lui phiền não nghiệp chướng để nhận ra cái thường hằng, cái phi huyễn, thì dù muôn thuở lăn lóc trong ba nẻo sáu đường, cũng chỉ là bóng màu hư dối.

Đọc bài kệ này, những ai từng chịu nhiều vinh nhục thăng trầm trong cuộc sống sẽ vô cùng thấy thấm thía. Từ bao đời bao kiếp, con người vì vô minh nhận lầm cái giả cho là thật, nên suốt đời tận lực lo phục vụ cho cái thân tứ đại. Thậm chí nhiều khi dùng mọi mảnh khóc mưu mô, chỉ cốt lợi mình không kể hại người. Nhưng khi có được một địa vị, một số tài sản nào đó, con người đã thỏa mãn chưa, hay lại mong được nhiều hơn nữa? Do vô minh (Si) nên tham đắm ngũ dục, nếu tham không được thỏa mãn sẽ phát sinh sân hận; từ đó tạo nghiệp ác và bị đọa đày trong các khổ xứ. Đó là bi kịch của kiếp người, bởi vì khi xuôi tay nhắm mắt, con người có mang được gì ngoài những nghiệp thiện -ác từ thân-miệng-ý đã từng tạo khởi? Chiêm nghiệm kỹ

điều này, chúng ta sẽ thấu hiểu lý vô thường của vũ trụ nhân sinh, từ đó tìm cho mình một lẽ sống có ý nghĩa.

Một điều cần nhấn mạnh ở đây, chúng ta không phải vì chán cuộc đời vô thường huyễn mộng mà gia công tu hành, cốt tìm sự an lạc vĩnh cửu ngoài trần thế. Hoa sen không mọc lên từ đất sạch, mà nhờ bùn nhơ để tăng trưởng và cuối cùng nở hoa thơm ngát giữa hư không. Cũng vậy, Bồ-đề Niết-bàn không tồn tại ở một cõi nào đó thanh tịnh xa xôi, mà ở ngay trong phiền não nhiễm ô của cuộc đời. Trong pháp hội Lăng Nghiêm, khi tôn giả A-Nan hỏi Đức Phật đâu là nguồn gốc của luân hồi và giải thoát, mười phương chư Phật đều đồng thanh đáp rằng: “Nguồn gốc của luân hồi sanh tử là sáu căn của ông; nguồn gốc của giải thoát Niết-bàn cũng là sáu căn của ông chớ không đâu khác”. Nếu sáu căn tiếp xúc với sáu trần mà khởi niệm phân biệt đẹp - xấu, ta - người, thương - ghét..., đó là dính mắc. Vì dính mắc nên tạo nghiệp trôi lăn vào sinh tử luân hồi. Nếu sáu căn tiếp xúc với sáu trần mà không có tâm chia chẻ hai bên, ngay đó là giải thoát. Cho nên, chúng sanh thấy sắc thì chạy theo bóng sắc, có nghĩa “Quên mình theo vật”; người đã hiểu đạo lý vẫn nhìn thấy sắc, nhưng thâm sống với bản tâm thanh tịnh của chính mình, ấy là “Kiến sắc minh tâm”.

Như vậy, giải thoát sinh diệt không có nghĩa là trốn tránh trạng thái sinh diệt; mà ở nơi sinh diệt thấy được cái chưa từng sinh diệt, nơi ảo ảnh nhận được chỗ miên trường, nơi Ta-bà mà an lập Tịnh-độ. Đây là tinh thần sống động tích cực của Đại Thừa Phật giáo và của Tối thượng thừa Thiền. Thiền là chủ động chớ không phải chủ tịnh, nên người tu vẫn tham gia vào mọi sinh hoạt lành mạnh của xã hội, vẫn thỏa mãn những nhu cầu bức thiết và chính đáng của bản thân, nghĩa là vẫn sống và làm việc bình thường, nhưng sống khế hợp với tự tánh. Trăm hoa đua nở khi xuân đến chúng ta đều biết, nhưng chúng ta vui xuân trong sự tỉnh thức, không chạy theo ảo ảnh sinh diệt bên ngoài, mà phải thâm sâu được, sống trọn vẹn được với chất xuân. Luôn an trú trong chánh niệm, đặt tâm vào giờ phút hiện tại, chúng ta sẽ thấy quan niệm về thời gian và không gian chỉ là sản phẩm của vọng tưởng, ta sẽ hiểu mùa xuân luôn luôn hiện hữu, không đi không đến bao giờ. Lúc ấy, chúng ta cũng đón xuân thế gian một cách tùy duyên tùy tục, vẫn nhịp nhàng với cuộc sống đời thường; nhưng trong những giây phút, chúng ta đều từng bước vững chãi và thanh thoi trong thực tại nhiệm mầu.

Trong ngôn ngữ nhà Thiền, có rất nhiều danh từ dùng để nói về mùa Xuân hằng hữu ấy. Các Ngài khi đã thấu tột lý Thiền, có thể biểu hiện cái “Vô nhất vật” bằng hình ảnh một cành mai, một hoa cúc hay bất cứ một ngôn

ngữ nào chợt thoáng hiện. Sở dĩ nó có nhiều tên gọi vì thực chất không thể dùng lời nói để diễn đạt, mà chỉ có sự tâm đắc tâm chứng mới quán triệt được. Nó vốn không có tướng mạo âm thanh, không thể dùng ý thức để hiểu, không thể dùng tưởng tượng để hình dung, và không thể đạt bằng cách mong cầu. Tuy bản chất nó là không nhưng lại biểu hiện ra bằng mọi hình tướng, tuy không nhưng là nguồn sống của muôn loài, tuy không mà muôn pháp được hoạt dụng. “Không” ở đây là tánh Không, là bình đẳng tánh của tất cả muôn sự muôn vật, là “Chân Không”. Chính Chân Không là thể, còn Diệu Hữu là dụng của tự tánh.

Khi nào chúng ta bật hết mọi vọng tưởng đảo điên, mọi ý niệm lưỡng phân nhị nguyên để ánh trực giác bừng lên từ cõi niêm sâu xa của tâm thức, chúng ta sẽ nhận ra một cách thấu thể tánh Không bình đẳng này của vũ trụ vạn hữu. Lúc ấy, những ẩn mật và vi diệu từ vô thủy của cuộc sống sẽ phơi bày trọn vẹn, và chúng ta sẽ hòa cùng muôn pháp thành một thể nhất như. Đây là thời điểm chúa Xuân hiển hiện, và từ đó, mùa Xuân sẽ tồn tại vĩnh viễn dù vũ trụ có chuyển biến đổi dời!

Trong không khí rộn ràng tưng bừng của những ngày đầu xuân, những người con Phật chúng ta nên xoay lại chính mình, bằng tinh thần phản quan tự kỷ, để nhận ra tâm xuân bất sanh bất diệt hằng hữu. Cầu chúc chúng ta luôn sống được trọn vẹn với mùa xuân ấy, để đạt được niềm an lạc tự tại đối với sự vô thường sinh diệt của kiếp người.

---o0o---

10 - CẢM NGHĨ VỀ MỘT BÀI THƠ XUÂN

Xứ Kinh Bắc, cái nôi của nền văn minh lúa nước sông Hồng, là quê hương những người con ưu tú của đất Việt: Chàng trai châu Cổ Pháp (làng Đình Bảng) Lý Công Uẩn, tức vua Lý Thái Tổ, người mở đầu cơ nghiệp nhà Lý, người ban chiếu dời đô tạo dựng Thăng - Long thành là Hà Nội ngày nay; vua Lý Thánh Tông, người đã có quyết định táo bạo nhưng sáng suốt - lập Nguyên phi Ý Lan làm Nhiếp chính, góp công giữ vững giang sơn, mở rộng cõi bờ. Kinh Bắc là quê mẹ của đại thi hào Nguyễn Du với những áng thơ nômi tuyệt tác Kim Vân Kiều và Văn tế thập loại chúng sinh. Kinh Bắc có làng quan họ Bắc Ninh, nơi nổi tiếng với những khúc ca đối đáp của những “liền anh, liền chị”, từ tục hát chào đón vua Lý Thánh Tông về thăm quê, biến đổi thành lối hát hội của cả 49 làng quan họ.

Xứ Kinh Bắc cũng là quê hương của Trạng nguyên Lý Đạo Tái (1254-1334), người cùng Đại tướng Trần Khắc Chung ủng hộ cuộc lương duyên của Công chúa Huyền Trân cùng vua Chiêm Ché - Mân, đổi lấy sự bang giao giữa hai nước Việt - Chiêm và hai châu Ô - Lý làm sính lễ. Trạng nguyên xuất thân dòng dõi quan liêu nhưng thân phụ lại không tham dự triều chính. Từ nhỏ, Ngài đã sớm thông minh tài trí hơn người, lại có tâm hồn nghệ sĩ. Năm 21 tuổi, Ngài đỗ đầu kỳ thi Tiến sĩ, được bổ nhiệm tại Hàn Lâm Viện. Khi thắm nhuần Phật pháp, Ngài dâng biểu từ quan, xuất gia theo hầu Sơ Tổ Trúc Lâm Điều Ngự Giác Hoàng. Được kế thừa ngôi vị, làm Tam Tổ dòng Thiền Trúc Lâm Yên Tử, Ngài ủy thác mọi việc trong Giáo hội cho Quốc sư An Tâm, sớm chiều ngao du tự tại. Tâm hồn thi nhân ẩn tàng trong phong cách Thiền sư, nên thơ văn của Ngài dường như man mác tình cảm, mà phần đông người xem cho là đượm màu thể tục. Bài thơ Xuân nhật tức sự (Tức cảnh ngày xuân) sau đây là một trong những bài thơ của Ngài bị hiểu lầm nhiều nhất:

Nhị bát giai nhân thích tú trì,
Tử kinh hoa hạ chuyển hoàng ly.
Khả liên vô hạn, thương xuân ý,
Tận tại đình châm, bất ngữ thì.

Nghĩa:

Cô gái mười sáu tuổi ngồi thêu gấm,
Dưới khóm hoa tử kinh, chim hoàng oanh hót.
Đáng thương vô cùng, thương ý xuân,
Chỉ ở chỗ dừng kim không nói.

Dịch thơ:

Mỹ nhân mười sáu ngồi thêu gấm,
Hoa nở, hoàng oanh hót rộn ràng.
Đáng thương vô hạn, thương xuân ý,
Thương chỗ dừng kim, chẳng nói năng.

Theo cách hiểu thông thường, đây là bài thơ tả cảnh có lồng vào tình cảm của tác giả đối với nhân vật trong thơ. Bức tranh tố nữ được phác thảo bằng một bàn tay tài hoa - chỉ hai câu thơ đầu mà đủ cả sắc thính hương:

Nhị bát giai nhân thích tú trì,
Tử kinh hoa hạ chuyển hoàng ly.

Khung cảnh êm ả của một ngày xuân nắng ấm, không khí trong lành thoang thoảng mùi hương huyền ảo - hương của hoa hay của người đẹp tuổi trăng tròn đang ngời thêu gấm? Tiếng chim hót líu lo như những nét chấm phá tô điểm cho bức tranh Xuân. Hoa và người, vẻ đẹp thuần khiết gắn với cái chân mỹ của thiên nhiên, như Xuân Diệu đã từng rung động:

Xuân đầu mùa trong sạch vẻ ban sơ,
Hương mới thấm bên ghi như thiết thạch.

Hương xuân đầu mùa của nét đẹp trinh nguyên, tuy mơ hồ mà ghi đậm nét vào ký ức. Cái đẹp đâu dành cho riêng ai, nhưng cũng không phải là sở hữu của tất cả mọi người, chỉ hiện bày cho người biết trân trọng, biết thưởng thức. Tâm hồn nghệ sĩ một lần điểm phúc được tiếp xúc với cái thuần thiện thuần mỹ, bỗng thoát xác, thăng hoa, người và cảnh như hòa nhập với nhau trong một thực tại vô ngôn. Lúc ấy, chỉ cần vài nét phóng bút đã có một bức họa để đời, một vài lời nhạc đã làm bài hát trở thành bất tử!

Khả liên vô hạn, thương xuân ý,
Tận tại đình châm, bất ngữ thì.

Người đẹp đang thêu, nghĩ ngợi điều chi mà dừng kim không mở lời? Có phải tiết xuân âm áp, hoa xuân tươi thắm, khí xuân chan hòa khiến lòng xuân cảm thấy nao nao? Đôi mắt cô mơ màng, nhìn xa xôi không nói nhưng thầm nói bao điều. Nguyễn Bính một hôm nhìn qua nhà bên cạnh, cũng bất chợt gặp được khoảnh khắc “bất ngữ thì” của cô láng giềng:

Đã thấy xuân về với gió đông
Vội trên màu má gái chưa chồng.
Bên hiên hàng xóm cô hàng xóm
Ngước mắt nhìn trời đôi mắt trong.

Hai ý thơ tuy khác lời nhưng lại gặp nhau ở nơi chưa nói: Một người tả cô gái dừng tay thêu gấm, người kia vẽ nên cảnh người đẹp hàng xóm, ngước mắt nhìn trời. Cô không cần mở lời, vì chẳng phải “đôi mắt trong” kia đã là cửa sổ tâm hồn cô đó ư? Chỉ khác một điều, người này mạnh bạo nói thẳng “thương vô hạn”, còn người kia, bằng sự nhắc lại một cách xót xa “Bên hiên hàng xóm cô hàng xóm” như tự nhận rằng, tuy gần nhau đấy nhưng vẫn cách xa vạn dặm. Chao ôi là tài hoa, những ngọn bút thi nhân tức cảnh sinh tình!

Người đọc có thể thông cảm, có thể ca ngợi tài nhã ngọc phun châu của thi sĩ Trang nguyên Lý Đạo Tái. Nhưng đối với Thiền sư Tam Tổ Huyền

Quang, thì những lời thơ dạt dào tình cảm đời thường như thế khó lòng được chấp nhận. Không những Ngài Huyền Quang bị nhiều người đương thời lên án, mà ngay cả một số nhà nghiên cứu phê bình ngày nay cũng đánh giá khá khe khắt về Ngài. Có rất nhiều lời ca tụng vua Trần Nhân Tông như một minh quân, một Thiền sư đạt đạo, một vị Tổ khai sáng dòng Thiền Việt Nam: “Trần Nhân Tông không chỉ là nhà chính trị nhìn xa trông rộng mà còn là nhà quân sự có tài; không chỉ là nhà ngoại giao mà còn là nhà tư tưởng, nhà văn, nhà thơ; không chỉ là vị quân vương mà còn là nhà tu hành; không chỉ là nhà văn hóa mà còn là Thiền sư lỗi lạc”(1) hoặc “Thiền của Trúc Lâm Yên Tử là thiền gì? Đó chính là Tổ Sư Thiền. Đạo Phật mà Trần Nhân Tông đã ngộ là đạo Phật gì? Đó chính là đạo Phật Thiền. Và trí tuệ mà Trần Nhân Tông đã đạt được là trí tuệ gì? Đó chính là trí tuệ Phật, còn gọi là trí tuệ siêu tuyệt, trí tuệ tối thượng thừa” (2). Ngược lại, nói về Tam Tổ Huyền Quang thì: “... Vậy mà Phật giáo đời Trần, với biểu tượng Trúc Lâm Yên Tử đã không tồn tại được quá ba đời. Tổ thứ ba Huyền Quang đã không gánh nổi công việc tăng tiến Giáo hội, chủ yếu được nhìn nhận như một thi nhân” (3)

Thật ra, sự khen chê vốn không cùng, và tùy thuộc ý kiến chủ quan của mỗi người. Hành vi, cử chỉ và ngôn phong của các Thiền sư cũng không dễ hiểu thấu, huống gì việc phán đoán phê bình. Những tài liệu về cuộc đời Ngài Huyền Quang cho đến nay hầu như chỉ còn quyển Tổ Gia Thực Lục, vốn có nhiều chi tiết huyền bí khó tin khó nhận. Người đời sau không biết gì về hành trạng của Ngài, như Ngài ngộ đạo trong hoàn cảnh nào, dạy dỗ đồ chúng ra sao, trạng thái lúc thị tịch có gì đặc biệt, môn đệ truyền thừa gồm những ai... Phần thi văn của Ngài cũng chỉ còn hai mươi ba bài thơ chữ Hán và một bài phú chữ Nôm. Vì thế, theo quan niệm thế gian, Ngài Huyền Quang chỉ là một Trạng nguyên đi tu, chưa thoát khỏi sự dính mắc với cảnh và người. Tuy nhiên, đứng trên quan điểm nhà Thiền, Ngài Huyền Quang là một Thiền sư đạt đạo, là vị Tổ của dòng Thiền Trúc Lâm Yên Tử, kế thừa Tổ thứ hai Pháp Loa. Những bài thơ của Ngài phần nhiều đều mượn cảnh để tỏ ý, mượn lời hoa mỹ để chuyển tải lý đạo.

Trở lại bài thơ Xuân nhật tức sự. Thiền sư Huyền Quang đã cảm nhận một cách tinh tế sự toàn mỹ của bức tranh tổ nữ ngồi thêu dưới nắng xuân, nhưng không có sự rung động thường tình của nghệ sĩ, càng không có sự đắm luyến thể tục trước một người con gái yêu kiều. Toàn bài chỉ trở về một câu duy nhất: “Tận tại đình châm bất ngữ thi”. Thương vô hạn, nhưng không thương nơi người nơi cảnh, mà thương ở chỗ dừng kim không nói. “Dừng kim” nghĩa là không còn đan dệt nghiệp, tạo nhân luân hồi sinh tử. “Không nói” là

đến chỗ vô ngôn, cứu cánh của nhà Thiền. Ngôn ngữ dù văn hoa trau chuốt đến mấy, cũng vẫn còn trong vòng đối đãi - có tốt xấu, có thị phi, có nhân ngã. Chân lý tuyệt đối không thể dùng lời để diễn tả, không thể dùng ý để nghĩ suy, càng không thể nhờ suy luận mà biện biệt. Người đạt đạo không còn kẹt trong phân biệt hai bên nên không chỗ mở lời, không còn tạo nghiệp nên thoát vòng kềm tỏa của sinh tử. Ấy chính là GIÁC NGỘ và GIẢI THOÁT, mục đích tối hậu của đời tu.

Bốn câu thơ sau đây trong bài “Diên Hựu tự” có thể phần nào diễn đạt nội dung tâm chứng của Ngài Huyền Quang:

Vạn duyên bất nhiên thành già tục,
Bán điểm vô ưu nhân phóng khoan.
Tham thấu thị phi bình đẳng tướng,
Ma cung Phật quốc hảo sinh quan.

Nghĩa:

Muôn duyên chẳng rối nào ngăn ngại,
Nửa điểm không phiền mắt rộng thang.
Tham tột thị phi tướng bình đẳng,
Cung ma, cõi Phật đẹp ngang hàng.(4)

Người đã uống một hớp cạn hết nước Tây giang, không còn cùng làm bạn với muôn pháp. Chẳng còn duyên nào làm rối loạn, chẳng còn điểm nào làm phiền não, thì tâm bao trùm pháp giới, tầm mắt mở rộng thiên thang. Tham cứu đến tột cùng bản chất mọi sự vật, thấu triệt tính bình đẳng giữa thị và phi, giữa Bò-đề và phiền não, giữa Niết-bàn và sinh tử, giữa Phật quốc và ma cung, thì Ta-bà hay Tịnh độ cũng chỉ ở tại đây và bây giờ. Lúc này sử dụng hành động hay ngôn từ nào, các Ngài cũng đều từ tục đế mà tỏ bày chân đế, cốt khai thị cho đương cơ thâm nhận bản tâm thanh tịnh của chính mình. Đương cơ nếu chấp vào hình thức văn tự, sẽ bị trói buộc vào mớ bong bong của ý thức suy luận, từ đó xa cách muôn trùng với ý Tổ sư.

Mượn thi ca diễn đạt thiền lý không phải chỉ ở Việt Nam, cũng không phải chỉ có từ đời Trần. Từ thời Lục Tổ Huệ Năng ở Trung Hoa với bài kệ trình kiến giải “Bỏ lai vô nhất vật...”, Thiền tông ngày càng phát triển mạnh mẽ và song song đó, thi ca cũng nhuốm mùi thiền vị. Đường-Tống là thời kỳ hoàng kim của thiền, cũng là giai đoạn phát triển rực rỡ của nền thi ca Trung Quốc. Các nhà thơ nổi tiếng như Đỗ Phủ, Bạch Cư Dị, Tô Đông Pha đều có những bài thơ man mác hương thiền; ngược lại, nhiều vị Thiền sư cũng

mượn lời thơ chuyển tải chân lý. Theo tư tưởng Triết học Đông phương, ấy là đem Hình nhi hạ để biểu hiện Hình nhi thượng, tức mượn vật để sáng lý, mượn cái hữu hạn vô thường để chỉ bày cái vô hạn thường hằng bất hoại. Có người bảo: “Thơ là chiếc áo gấm thêu hoa của thiên khách, thiên là chiếc dao gọt ngọc của thi gia” (5).

Mới nhìn qua, ta cảm thấy thơ và thiên thật khác nhau trời vực. Một bên là ngôn ngữ sản phẩm của ý thức, bên kia là nội dung tâm chứng từ trực giác. Một bên diễn tả tư tưởng chủ quan với đối tượng người hay cảnh, mà độc giả có thể đồng cảm, có thể hiểu thấu; bên kia lại ở nơi “đường ngôn ngữ dứt, chỗ tâm hành diệt” (ngôn ngữ đoạn đạo, tâm hành xứ diệt), chỉ có thể tự ngộ tự tri. Tuy nhiên, trải qua những quá trình dung hợp, trong đó ngôn ngữ thi ca là hình thức biểu trưng tâm ý của Thiên giả, còn thiên lý, lại làm lời thơ thêm vẻ sâu sắc ý vị, sự hòa hợp giữa thiên và thơ trở thành như nước với sữa.

Thiền sư Thiên-Y Nghĩa-Hoài có bốn câu kệ đề đời:

Nhận quá trường không
Ảnh trầm hàn thủy
Nhận vô di tích chi ý
Thủy vô lưu ảnh chi tâm.

Nghĩa:

Nhận bay trong không
Bóng chìm đáy nước
Nhận không có ý để dấu
Nước không có tâm giữ bóng.

Có chữ nào nói đến đạo lý, vậy mà toàn bài diễn đạt được cái rốt ráo của thiên. Bài kệ về hoa sen của Thiền sư Phật Giám cũng nhân cảnh mà tỏ ý, nhân sự việc tương đối mà tỏ bày chân lý tuyệt đối:

Hương bao lãnh thấu ba tâm nguyệt,
Lục diệp khinh diêu thủy diện phong.
Xuất vị xuất thời quân khán thủ,
Đô lô chỉ tại nhất trì trung.

Nghĩa:

Trắng lòng sông, búp thơm lạnh buốt,
Gió mặt hồ, lá thắm đong đưa.
Mọc hay chưa thì anh xem đây,
Đều chỉ nằm trong một cái hồ. (5)

Và đây là những bài thơ thắm đượm hương thiên của một số nhà thơ Đường
- Tống:

Nhân nhàn quế hoa lạc,
Dạ tĩnh xuân sơn không.
Nguyệt xuất kinh sơn điệu,
Thời minh xuân giản trung.
Vương Duy

Nghĩa:

Người nhàn, hoa quế rụng,
Đêm tĩnh, núi quanh hiu.
Trăng mọc, chim rừng tỉnh,
Khe xuân, thỉnh thoảng kêu.
Đỗ Tùng Bách dịch.

Hoặc:

Thủy lưu tâm bất cảnh,
Vân tại ý câu trì.
Đỗ Phủ.

Nghĩa:

Nước chảy, tâm không động,
Mây ngưng, ý lặng dừng.

Có khác gì “Đối cảnh không tâm chớ hỏi thiên”, có khác gì “Thương chớ dừng kim chẳng nói năng”? Bao nhiêu ngôn từ chữ nghĩa, bao nhiêu phương tiện lập bày chỉ để nhắm đến cái “không thể nói”. Cho nên, sách Trinh Nguyên Lục Thư viết “Điều mà thơ muốn mọi người lãnh hội chẳng phải là điều thơ nói, mà là những điều vượt ra ngoài hình tượng mà thơ không nói ra được”.

Cuộc đời Tam Tổ Huyền Quang, gẫm ra có khá nhiều điều không như ý - lúc còn trẻ, do dung nhan kỳ lạ và gia cảnh bần hàn nên tuy sớm định hôn ước mà chưa được thành thân. Thấy rõ tình đời bạc bẽo, nên khi đỗ Trạng nguyên, được nhà vua gả công chúa, Ngài vẫn một mực chối từ:

Khó khăn thì chẳng ai nhìn,
Đến khi đỗ Trạng tám nghìn nhân duyên.

Trở thành người đứng đầu Giáo hội, Ngài lại bị hiểu lầm vì cung nữ Diễm Bích - vụ án đầy tai tiếng do vua Trần Minh Tông lập bày để thử thách đạo hạnh của người tu. Tuy nhiên, một vị Thiền sư đã tự tại trước tám gió, có khi nào bận lòng trước lời khen chê của thiên hạ?

Thủ bả xuy thương hòa mộc đặc,
Tùng giao nhân tiêu lão tăng mang.

Nghĩa:

Tay cầm dùi mõ, tay nâng sáo,
Thiên hạ cười ta, cứ mặc tình.
Nguyễn Lang dịch.

Thiền sư và nghệ sĩ tuy hai mà một - hình ảnh dung hợp thật đẹp đẽ giữa Thiền học và nghệ thuật đời thường. Mặc ai hiểu mặc ai không hiểu thấu, Ngài không động tâm vì biết tất cả đều hư dối không thật. Nhị tổ Huệ Khả ở Trung Hoa, lúc cuối đời thường đến những chốn trà đình tửu điểm, có khi giữa đám đông thuyết pháp hoặc làm những nghề lao công nặng nhọc.

Có người hỏi sư:

- Thầy là nhà tu, tại sao làm như thế?

Sư đáp:

- Ta tự điều phục tâm, đâu có quan hệ gì đến việc của người? (6)

Đó là phong cách của người tu đạt đạo, luôn an nhiên tự tại trước mọi tình cảm của người đời và mọi thử thách của cảnh ngộ. Bởi vì “Tham tốt thị phi bình đẳng tướng” nên không kẹt vào đối đãi hai bên. Thấu triệt tận căn để Lý Bất nhị - chân lý tuyệt đối của nhà Phật, hành giả không còn lời nào để nói mà chỉ biết im lặng tự tri. Cái im lặng sấm sét này đã được thể hiện nơi Đức Phật khi đóng cửa thất ở nước Ma-Kiệt, nơi cư sĩ Duy Ma khi ngậm miệng ở thành Tỳ-Da, và bây giờ cô gái “Tận tại đình châm bất ngữ thì”. Người tu nào không mong nhận ra và thương nơi chỗ dừng kim không nói?

Xin mượn lời Thiền sư Vĩnh-Gia Huyền-Giác trong Chứng Đạo Ca - viên ngọc quý trong gia tài thi ca của nhà Thiền - để kết thúc bài này:

Nhật khả lãnh, nguyệt khả nhiệt,
Chúng ma bất năng hoại chân thuyết?
Tượng giá tranh vanh mạn tiền đồ,
Thùy kiến đường lang năng cự triết?

Đại tượng bất du ư thố kính,
Đại ngộ bất câu ư tiểu tiết.
Mạc tương quản kiến bán thương thương,
Vị liễu, ngô kim vị quân quyết.

Nghĩa:

Nhật dù lạnh, nguyệt dù nóng,
Lời chân thật ma nào phá hỏng.
Xe voi ngạo nghệ cứ tiến lên,
Mặc sức bọ trời theo ngăn chống.

Voi lớn chẳng đi theo dấu thỏ,
Ngộ lớn nệ gì nơi tiết nhỏ.
Chớ dòm trong ống mĩa trời xanh,
Chưa tỏ, vì anh ta giải rõ!
Thông Phương dịch.

(1) Nguyễn Hùng Hậu: *Lược khảo tư tưởng Thiền Trúc Lâm Việt Nam*. NXB Khoa học xã hội - 1997, tr. 119

(2) Thượng tọa Thích Thanh Thế: *Đạo đức trí tuệ Trần Nhân Tông... Trần Nhân Tông, vị vua Phật Việt Nam* - NXB Tổng hợp TP HCM - 2004, tr. 291

(3) Văn Quân: *Phật giáo đời Trần và văn hóa Đại Việt* - Trần Nhân Tông, vị vua Phật Việt Nam - NXB Tổng hợp TP HCM - 2004, tr. 191.

(4) Hòa thượng Thích Thanh Từ: *Tam Tổ Trúc Lâm giảng giải* - NXB TP HCM - 1997, tr. 619.

(5) Đỗ Tùng Bách: *Thơ Thiền Đường - Tổng*. NXB Đồng Nai - 2000, tr. 306 - 292.

(5) Đỗ Tùng Bách: *Thơ Thiền – Đường* - Tổng. NXB Đồng Nai - 2000, tr. 306 - 292

*(6) Hòa thượng Thích Thanh Từ: Sử 33 vị Tổ Thiền Tông Ấn Hoa - Nhà in
Hợp Thịnh - 1972, tr. 181*

Vi tính: Nguyễn Trang

Người gửi bài: Toàn Trung

---o0o---

HẾT